# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**Thông tư số 03/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An**

## DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

## Phần II
## DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

(Tiếp theo Công báo số 263 + 264)

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 3 | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 53' 03" | 105° 16' 15" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 49" | 105° 16' 18" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5A | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 53" | 105° 16' 51" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5B | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 47" | 105° 17' 00" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6A | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 32" | 105° 17' 03" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6B | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 27" | 105° 16' 53" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 7 | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 14" | 105° 17' 14" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 8 | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 51' 53" | 105° 16' 32" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 9A | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 25" | 105° 16' 21" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 9B | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 05" | 105° 16' 03" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 10 | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 17" | 105° 16' 28" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 11 | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 24" | 105° 16' 08" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 12 | DC | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 34" | 105° 15' 40" | | | | | E-48-31-B-a, E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-a, E-48-31-B-c |
| Núi Nhôn | SV | xã Cát Văn | H. Thanh Chương | 18° 52' 08" | 105° 15' 40" | | | | | E-48-31-B-c |
| quốc lộ 46B | KX | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-B-c |
| xóm Đông Thượng | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 45' 52" | 105° 20' 25" | | | | | E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |
| xóm Luân Hòa | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 45' 34" | 105° 19' 07" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Luân Hồng | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 46' 01" | 105° 19' 06" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Luân Phú | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 46' 25" | 105° 19' 53" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Luân Phượng | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 46' 20" | 105° 19' 41" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Luân Sơn | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 46' 37" | 105° 19' 34" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Phú Xuân | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 46' 38" | 105° 19' 54" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Phượng Đình | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 45' 40" | 105° 19' 56" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Thạch Sơn | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 45' 58" | 105° 19' 59" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Thượng Quánh | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 45' 13" | 105° 19' 24" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Tiên Kiều | DC | xã Đồng Văn | H. Thanh Chương | 18° 45' 27" | 105° 19' 37" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 1 | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 48' 44" | 105° 09' 23" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 2 | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 48' 58" | 105° 09' 56" | | | | | E-48-31-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 3 | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 48' 49" | 105° 10' 13" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 4 | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 48' 53" | 105° 10' 29" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 5A | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 48' 53" | 105° 10' 56" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 5B | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 48' 46" | 105° 11' 33" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 6 | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 49' 39" | 105° 11' 19" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 7 | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 50' 05" | 105° 11' 23" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 8 | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 50' 10" | 105° 11' 41" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 9 | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 50' 37" | 105° 11' 52" | | | | | E-48-31-A |
| núi Ba Sườn | SV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 49' 25" | 105° 09' 23" | | | | | E-48-31-A |
| suối Cây Cam | TV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 47' 35" | 105° 06' 48" | 18° 47' 47" | 105° 08' 45" | E-48-31-A |
| Xóm Chuyền | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 48' 23" | 105° 09' 52" | | | | | E-48-31-A |
| Sông Con | TV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | | | 19° 15' 32" | 105° 25' 09" | 19° 02' 14" | 104° 58' 20" | E-48-19-D-d, E-48-18-D |
| Suối Con | TV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | | | 19° 24' 13" | 105° 25' 17" | 19° 22' 56" | 105° 24' 11" | E-48-19-B-b |
| núi Con Bò | SV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 47' 20" | 105° 09' 46" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Điện Biên | DC | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 48' 33" | 105° 10' 17" | | | | | E-48-31-A |
| Sông Giăng | TV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 52' 29" | 104° 50' 11" | 18° 50' 07" | 105° 16' 38" | E-48-31-A |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-A |
| Suối Mét | TV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 46' 34" | 105° 12' 02" | 18° 49' 13" | 105° 12' 24" | E-48-31-A |
| Suối Mước | TV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 03" | 105° 07' 07" | 18° 49' 37" | 105° 06' 36" | E-48-31-A |
| núi Rú Thác Muối | SV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 48' 18" | 105° 08' 50" | | | | | E-48-31-A |
| Suối Sướn | TV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 46' 46" | 105° 02' 10" | 18° 49' 44" | 105° 05' 30" | E-48-31-A |
| cầu Thanh Đức | KX | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 49' 06" | 105° 10' 03" | | | | | E-48-31-A |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Hạnh Lâm | H. Thanh Chương | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | E-48-31-A, E-48-31-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Chà Luân | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 43' 53" | 105° 11' 13" | | | | | E-48-31-C-b |
| núi Đại Cán | SV | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 46' 07" | 105° 12' 10" | | | | | E-48-31-A |
| Bản Hiển | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 42' 33" | 105° 11' 43" | | | | | E-48-31-C-b |
| Suối Khai | TV | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 41' 14" | 105° 10' 28" | 18° 44' 48" | 105° 13' 36" | E-48-31-A |
| bản Kim Hồng | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 44' 59" | 105° 12' 48" | | | | | E-48-31-C-b |
| bản Kim Liên | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 44' 23" | 105° 11' 40" | | | | | E-48-31-C-b |
| Suối Láng | TV | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 42' 17" | 105° 08' 36" | 18° 44' 48" | 105° 13' 36" | E-48-31-A |
| Bản Lạp | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 44' 06" | 105° 12' 58" | | | | | E-48-31-C-b |
| Bản Mà | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 45' 00" | 105° 12' 28" | | | | | E-48-31-C-b |
| suối Mạn Tác | TV | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 40' 20" | 105° 12' 13" | 18° 44' 59" | 105° 14' 08" | E-48-31-C |
| Bản Muộng | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 43' 29" | 105° 13' 47" | | | | | E-48-31-C-b |
| bản Nhạn Mai | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 43' 55" | 105° 12' 57" | | | | | E-48-31-C-b |
| bản Nhạn Nhinh | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 44' 07" | 105° 13' 15" | | | | | E-48-31-C-b |
| bản Nhạn Pá | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 42' 32" | 105° 13' 35" | | | | | E-48-31-C-b |
| Bản Nòng | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 44' 24" | 105° 13' 06" | | | | | E-48-31-C-b |
| bản Tạ Xiêng | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 45' 05" | 105° 12' 40" | | | | | E-48-31-C-b |
| núi Thác Lụa | SV | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 40' 16" | 105° 11' 54" | | | | | E-48-31-C |
| núi Tốc Hao | SV | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 39' 34" | 105° 10' 34" | | | | | E-48-31-C |
| núi Truyền | SV | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 42' 54" | 105° 07' 56" | | | | | E-48-31-C |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | E-48-31-C |
| núi Vũ Trụ | SV | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 42' 09" | 105° 08' 37" | | | | | E-48-31-C |
| bản Xiêng Lằm | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 42' 27" | 105° 12' 08" | | | | | E-48-31-C-b |
| bản Xốp Pe | DC | xã Ngọc Lâm | H. Thanh Chương | 18° 44' 17" | 105° 11' 15" | | | | | E-48-31-C-b |
| xóm 1 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 14" | 105° 22' 37" | | | | | E-48-31-B-c, E-48-31-B-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 2A | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 45' 30" | 105° 22' 05" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2B | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 45' 14" | 105° 22' 03" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 45' 04" | 105° 21' 42" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 44' 45" | 105° 21' 36" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 5 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 44' 55" | 105° 21' 52" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 6 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 44' 45" | 105° 22' 16" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 7 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 44' 33" | 105° 21' 54" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 8 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 44' 50" | 105° 22' 36" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 9 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 44' 24" | 105° 22' 49" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 10 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 44' 11" | 105° 22' 55" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 11 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 45' 45" | 105° 23' 34" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 12 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 45' 44" | 105° 24' 03" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 13 | DC | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 45' 13" | 105° 24' 05" | | | | | E-48-31-B-d |
| quốc lộ 46B | KX | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-B-c |
| Núi Cấm | SV | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 44' 28" | 105° 22' 09" | | | | | E-48-31-D |
| núi Cồn Ngơu | SV | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 26" | 105° 22' 55" | | | | | E-48-31-B-d |
| Sông Gang | TV | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-B-c, E-48-31-B-d, E-48-31-D |
| núi Khe Vang | SV | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 50" | 105° 24' 00" | | | | | E-48-31-B-d |
| Sông Lam | TV | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c, E-48-31-D |
| Núi Nguộc | SV | xã Ngọc Sơn | H. Thanh Chương | 18° 45' 01" | 105° 21' 24" | | | | | E-48-31-B-c |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-B-c |
| Chợ Chùa | KX | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 50' 13" | 105° 15' 02" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Giăng | TV | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | | | 18° 52' 29" | 104° 50' 11" | 18° 50' 07" | 105° 16' 38" | E-48-31-A, E-48-31-B-c |
| thôn Hòa Thịnh | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 50' 22" | 105° 15' 29" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Khánh Thành | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 50' 53" | 105° 15' 53" | | | | | E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |
| thôn Làng Hoa | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 50' 01" | 105° 15' 58" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Liên Chung | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 50' 25" | 105° 14' 41" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Liên Giáp | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 51' 32" | 105° 16' 02" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Liên Trung | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 51' 37" | 105° 15' 47" | | | | | E-48-31-B-c |
| suối Na Ca | TV | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 55" | 105° 13' 26" | 18° 50' 13" | 105° 14' 43" | E-48-31-A |
| Núi Nhôn | SV | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 52' 08" | 105° 15' 40" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Sơn Thịnh | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 50' 26" | 105° 16' 11" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Thanh Nam | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 51' 17" | 105° 15' 53" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Trung Sơn | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 51' 01" | 105° 15' 09" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Trung Thành | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 50' 40" | 105° 15' 17" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Trung Thọ | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 51' 30" | 105° 15' 09" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Trường Sơn | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 51' 09" | 105° 15' 55" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Trường Xuân | DC | xã Phong Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 50' 39" | 105° 15' 58" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 1 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 36" | 105° 17' 53" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 2 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 41" | 105° 18' 10" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 3 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 30" | 105° 18' 15" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 4 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 40" | 105° 18' 24" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 5 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 45' 09" | 105° 18' 29" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 6 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 45' 19" | 105° 18' 36" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 7 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 45' 11" | 105° 18' 52" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 8 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 20" | 105° 17' 20" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 9 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 52" | 105° 19' 04" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 10 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 42" | 105° 19' 36" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 11 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 25" | 105° 19' 12" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 12 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 25" | 105° 18' 59" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 13 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 09" | 105° 18' 49" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 14 | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 43' 59" | 105° 18' 58" | | | | | E-48-31-D |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Thanh An | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-B-c, E-48-31-D |
| hồ Cậu Cau | TV | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 07" | 105° 16' 48" | | | | | E-48-31-D |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thanh An | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-B-c, E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Thanh An | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c, E-48-31-D |
| suối Mạn Tác | TV | xã Thanh An | H. Thanh Chương | | | 18° 40' 20" | 105° 12' 13" | 18° 44' 59" | 105° 14' 08" | E-48-31-C |
| núi Mo Nu | SV | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 17" | 105° 15' 16" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Thượng Lâm | DC | xã Thanh An | H. Thanh Chương | 18° 44' 00" | 105° 15' 21" | | | | | E-48-31-D |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-D |
| thôn Chi Lam | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 46" | 105° 20' 47" | | | | | E-48-31-D |
| Núi Choi | SV | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 51" | 105° 19' 37" | | | | | E-48-31-D |
| suối Hỏi Trừng | TV | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | | | 18° 44' 30" | 105° 19' 31" | 18° 43' 55" | 105° 21' 38" | E-48-31-D |
| thôn Hợp Hòa | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 23" | 105° 19' 54" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Kim Liên | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 57" | 105° 19' 54" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Kim Thịnh | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 09" | 105° 19' 43" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Kim Thượng | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 44" | 105° 19' 33" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn Kỳ Chu | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 59" | 105° 20' 46" | | | | | E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c, E-48-31-D |
| thôn Liên Sơn | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 50" | 105° 20' 12" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Ngọc Tỉnh | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 41" | 105° 20' 30" | | | | | E-48-31-D |
| Núi Ối | SV | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 57" | 105° 20' 42" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Rộ | TV | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | | | 18° 41' 38" | 105° 18' 16" | 18° 43' 47" | 105° 21' 55" | E-48-31-D |
| thôn Thịnh Lạc | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 01" | 105° 19' 28" | | | | | E-48-31-D |
| núi Thung Lều | SV | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 34" | 105° 19' 41" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Thượng Hòa | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 43' 48" | 105° 20' 39" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Trường Niên | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 45' 16" | 105° 20' 31" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Văn Đồng | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 43' 53" | 105° 21' 42" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Văn Phú | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 03" | 105° 21' 16" | | | | | E-48-31-D |
| Núi Vắt | SV | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 52" | 105° 20' 23" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Xuân Long | DC | xã Thanh Chi | H. Thanh Chương | 18° 44' 07" | 105° 20' 37" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 1 | DC | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 48' 04" | 105° 19' 07" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 2 | DC | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 48' 17" | 105° 19' 14" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 3 | DC | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 48' 00" | 105° 20' 04" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 4 | DC | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 48' 13" | 105° 20' 01" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 5 | DC | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 48' 15" | 105° 20' 13" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 6 | DC | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 48' 10" | 105° 20' 29" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 7 | DC | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 48' 09" | 105° 21' 00" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 8 | DC | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 47' 51" | 105° 20' 39" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 9 | DC | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 47' 32" | 105° 20' 44" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 10 | DC | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 47' 32" | 105° 20' 30" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| quốc lộ 46B | KX | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-B-c |
| Chợ Dùng | KX | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | 18° 47' 51" | 105° 20' 02" | | | | | E-48-31-B-c |
| Sông Gang | TV | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Đồng | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |
| xóm 12/9 | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 21" | 105° 07' 10" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 19/5 | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 49' 57" | 105° 05' 38" | | | | | E-48-31-A |
| hồ 19/8 | TV | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 51' 02" | 105° 09' 49" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 1 Đức Dương | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 49' 44" | 105° 10' 01" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 15/7 Thanh Đức | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 51' 11" | 105° 05' 08" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 2 Đức Sơn | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 17" | 105° 10' 46" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 2 Xí nghiệp Chè | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 16" | 105° 09' 17" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 26/3 Thanh Đức | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 13" | 105° 07' 04" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 3 Đức Hà | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 22" | 105° 10' 53" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 3 Xí nghiệp Chè | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 49' 57" | 105° 09' 32" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 3/2 Thanh Đức | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 51" | 105° 05' 13" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 4 Đức Long | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 50" | 105° 11' 04" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 4 Xí nghiệp Chè | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 48" | 105° 09' 33" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 5 Đức Hòa | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 47" | 105° 11' 11" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 6 Đức Lâm | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 51' 45" | 105° 11' 03" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 7 Đức Thành | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 52' 15" | 105° 10' 27" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 7 Xí nghiệp Chè | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 52' 29" | 105° 10' 06" | | | | | E-48-31-A |
| núi Ba Sườn | SV | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 49' 25" | 105° 09' 23" | | | | | E-48-31-A |
| hồ Cây Mít | TV | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 13" | 105° 09' 45" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Chế Biến | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 49' 44" | 105° 09' 45" | | | | | E-48-31-A |
| Sông Giăng | TV | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | | | 18° 52' 29" | 104° 50' 11" | 18° 50' 07" | 105° 16' 38" | E-48-31-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-A |
| khe Lộp Ốp | TV | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | | | 18° 47' 16" | 105° 01' 38" | 18° 49' 53" | 105° 04' 58" | E-48-31-A |
| Khe Mước | TV | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 03" | 105° 07' 07" | 18° 49' 37" | 105° 06' 36" | E-48-31-A |
| Suối Sướn | TV | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | | | 18° 46' 46" | 105° 02' 10" | 18° 49' 44" | 105° 05' 30" | E-48-31-A |
| Xóm Sướn | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 50' 30" | 105° 06' 43" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Tân Tiến | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 49' 57" | 105° 08' 34" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Thành Công | DC | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 49' 54" | 105° 08' 52" | | | | | E-48-31-A |
| cầu Thanh Đức | KX | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 18° 49' 06" | 105° 10' 03" | | | | | E-48-31-A |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | E-48-30-B+D<br>E-48-31-A<br>E-48-31-C |
| Suối Vều | TV | xã Thanh Đức | H. Thanh Chương | | | 18° 44' 47" | 104° 57' 02" | 18° 51' 38" | 105° 01' 17" | E-48-30-B,<br>E-48-30-D,<br>E-48-31-A, |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 43' 29" | 105° 24' 32" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 43' 01" | 105° 24' 37" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 42' 45" | 105° 24' 27" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 42' 43" | 105° 24' 16" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 42' 23" | 105° 24' 32" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 7 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 42' 32" | 105° 24' 43" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 8 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 42' 30" | 105° 24' 56" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 9 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 42' 15" | 105° 24' 41" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 10 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 42' 12" | 105° 24' 49" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 11 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 42' 08" | 105° 24' 58" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 12 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 42' 08" | 105° 25' 08" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 13 | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 42' 04" | 105° 25' 03" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| quốc lộ 46 | KX | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-31-D |
| xóm 1 Bại Biên | DC | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 44' 06" | 105° 25' 00" | | | | | E-48-31-D |
| núi Đồng Kiêng | SV | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | 18° 43' 27" | 105° 23' 53" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Gang | TV | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Dương | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-D |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-D |
| xóm Ba Nghè | DC | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | 18° 40' 53" | 105° 24' 22" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Bàu Sen | DC | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | 18° 40' 20" | 105° 24' 44" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Bích Thị | DC | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | 18° 40' 33" | 105° 25' 06" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Biên Quản | DC | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | 18° 40' 35" | 105° 24' 51" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Bình Ngô | DC | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | 18° 40' 27" | 105° 25' 03" | | | | | E-48-31-D |
| suối Cầu Nậy | TV | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | | | 18° 39' 47" | 105° 20' 30" | 18° 40' 30" | 105° 24' 02" | E-48-31-D |
| xóm Giang Thủy | DC | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | 18° 41' 17" | 105° 23' 55" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-D |
| xóm Lam Dinh | DC | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | 18° 40' 26" | 105° 25' 15" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Tiên Cầu | DC | xã Thanh Giang | H. Thanh Chương | 18° 41' 04" | 105° 24' 07" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 1 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 15" | 105° 23' 51" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 54" | 105° 23' 17" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 42' 00" | 105° 23' 12" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 44" | 105° 23' 11" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 42" | 105° 22' 48" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 49" | 105° 22' 37" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 7 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 43" | 105° 22' 22" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 8A | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 41" | 105° 22' 11" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 8B | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 39" | 105° 21' 36" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 9 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 15" | 105° 21' 42" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 10 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 40' 48" | 105° 21' 27" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 11 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 40' 27" | 105° 21' 07" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 12 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 40' 58" | 105° 22' 15" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 13 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 03" | 105° 22' 27" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 14 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 39' 49" | 105° 19' 48" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 15 | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 39' 26" | 105° 20' 04" | | | | | E-48-31-D |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-D |
| núi Ba Đong | SV | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 36' 52" | 105° 18' 10" | | | | | E-48-31-D |
| suối Cầu Nậy | TV | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | | | 18° 39' 47" | 105° 20' 30" | 18° 40' 30" | 105° 24' 02" | E-48-31-D |
| suối Con Voi | TV | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 39" | 105° 18' 37" | 18° 39' 47" | 105° 20' 30" | E-48-31-D |
| núi Giăng Mòn | SV | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 37' 35" | 105° 20' 13" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Hà Long | DC | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | 18° 41' 28" | 105° 23' 44" | | | | | E-48-31-D |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Hà | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-D |
| Sông Giăng | TV | xã Thanh Hòa | H. Thanh Chương | | | 18° 52' 29" | 104° 50' 11" | 18° 50' 07" | 105° 16' 38" | E-48-31-A |
| xóm Hòa Bình | DC | xã Thanh Hòa | H. Thanh Chương | 18° 50' 37" | 105° 14' 32" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Hòa Hợp | DC | xã Thanh Hòa | H. Thanh Chương | 18° 51' 33" | 105° 14' 29" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Hòa Liên | DC | xã Thanh Hòa | H. Thanh Chương | 18° 51' 10" | 105° 13' 54" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Hòa Nam | DC | xã Thanh Hòa | H. Thanh Chương | 18° 50' 38" | 105° 14' 12" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Hòa Sơn | DC | xã Thanh Hòa | H. Thanh Chương | 18° 51' 04" | 105° 14' 09" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Hòa Thịnh | DC | xã Thanh Hòa | H. Thanh Chương | 18° 51' 11" | 105° 14' 27" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Hòa Tiến | DC | xã Thanh Hòa | H. Thanh Chương | 18° 51' 33" | 105° 13' 53" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Hòa Trung | DC | xã Thanh Hòa | H. Thanh Chương | 18° 50' 22" | 105° 13' 55" | | | | | E-48-31-A |
| suối Na Ca | TV | xã Thanh Hòa | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 55" | 105° 13' 26" | 18° 50' 13" | 105° 14' 43" | E-48-31-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| quốc lộ 46B | KX | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |
| xóm Liên Sơn | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 48' 48" | 105° 18' 38" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Lộc Sơn | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 49' 01" | 105° 18' 32" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Nghĩa Sơn | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 49' 15" | 105° 18' 27" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Quỳnh Sơn | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 49' 34" | 105° 18' 41" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Thanh Hồ | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 49' 52" | 105° 19' 09" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Thanh Quang | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 49' 43" | 105° 18' 55" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Thanh Tân | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 49' 50" | 105° 19' 32" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Thanh Yên | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 49' 45" | 105° 19' 20" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Thượng Sơn | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 50' 03" | 105° 18' 52" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Trung Đường | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 49' 14" | 105° 18' 45" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Trung Sơn | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 18° 49' 53" | 105° 18' 50" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Trường Minh | DC | xã Thanh Hưng | H. Thanh Chương | 105° 18' 16" | 105° 18' 16" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 1 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 47' 03" | 105° 17' 19" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 27" | 105° 17' 18" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 48" | 105° 16' 54" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 27" | 105° 16' 35" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 45' 56" | 105° 16' 29" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 26" | 105° 16' 02" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 7 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 40" | 105° 16' 17" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 8 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 32" | 105° 15' 51" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 9 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 22" | 105° 15' 31" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 10 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 07" | 105° 15' 28" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 11 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 45' 41" | 105° 14' 58" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 12 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 05" | 105° 14' 29" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 13 | DC | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 45' 11" | 105° 14' 00" | | | | | E-48-31-B-c |
| Rào Cấy | TV | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | | | 18° 41' 14" | 105° 10' 28" | 18° 44' 48" | 105° 13' 36" | E-48-31-A |
| núi Cô Xô | SV | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 45' 31" | 105° 15' 26" | | | | | E-48-31-B-c |
| đập Đá Đen | TV | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 45' 54" | 105° 15' 51" | | | | | E-48-31-B-c |
| núi Đại Cán | SV | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 07" | 105° 12' 10" | | | | | E-48-31-A |
| núi Đại Điền | SV | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 47' 41" | 105° 16' 20" | | | | | E-48-31-B-c |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-A |
| Suối Láng | TV | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | | | 18° 42' 17" | 105° 08' 36" | 18° 44' 48" | 105° 13' 36" | E-48-31-A |
| suối Mạn Tác | TV | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | | | 18° 40' 20" | 105° 12' 13" | 18° 44' 59" | 105° 14' 08" | E-48-31-C |
| Suối Mọ | TV | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | | | 18° 45' 08" | 105° 15' 25" | 18° 46' 45" | 105° 18' 06" | E-48-31-B-c |
| núi Tháp Bút | SV | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | 18° 46' 56" | 105° 15' 01" | | | | | E-48-31-B-c |
| Sông Trai | TV | xã Thanh Hương | H. Thanh Chương | | | 18° 45' 59" | 105° 14' 51" | 18° 46' 17" | 105° 18' 47" | E-48-31-A |
| quốc lộ 46 | KX | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-31-D |
| Xóm Chùa | DC | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | 18° 41' 50" | 105° 26' 04" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Đông Sơn | DC | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | 18° 42' 53" | 105° 26' 03" | | | | | E-48-31-D |
| Núi Đụn | SV | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | 18° 42' 07" | 105° 28' 04" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Gang | TV | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-D |
| xóm Hùng Thịnh | DC | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | 18° 42' 11" | 105° 26' 03" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-D |
| xóm Nam Sơn | DC | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | 18° 42' 35" | 105° 25' 51" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Tân Phong | DC | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | 18° 42' 25" | 105° 27' 03" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Văn Ngọc | DC | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | 18° 41' 57" | 105° 26' 10" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Văn Phạm | DC | xã Thanh Khai | H. Thanh Chương | 18° 42' 12" | 105° 26' 14" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Bảo Đức | DC | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 43' 52" | 105° 20' 02" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Kim Sơn | DC | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 42' 55" | 105° 18' 36" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Lai Nhã | DC | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 42' 55" | 105° 20' 12" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Lương Điền | DC | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 43' 35" | 105° 18' 39" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Nam Lĩnh | DC | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 43' 50" | 105° 19' 31" | | | | | E-48-31-D |
| núi Ngọc Lâm | SV | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 42' 52" | 105° 18' 02" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Rộ | TV | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | | | 18° 41' 38" | 105° 18' 16" | 18° 43' 47" | 105° 21' 55" | E-48-31-D |
| xóm Thanh Quả | DC | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 43' 25" | 105° 20' 19" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Thịnh Đại | DC | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 43' 20" | 105° 18' 55" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Thủy Trường | DC | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 43' 01" | 105° 18' 50" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Vĩnh Long | DC | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 43' 22" | 105° 20' 38" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Yên Lạc | DC | xã Thanh Khê | H. Thanh Chương | 18° 43' 37" | 105° 19' 12" | | | | | E-48-31-D |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-B-a, E-48-31-B-c, E-48-32-C-a, E-48-31-D |
| suối Bàu Rò | TV | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 37' 18" | 105° 28' 48" | 18° 38' 06" | 105° 27' 20" | E-48-31-D |
| núi Chân Tiên | SV | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 39' 51" | 105° 28' 01" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Eo Sơn | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 39' 37" | 105° 25' 46" | | | | | E-48-31-D |
| núi Kim Nghê | SV | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 38' 07" | 105° 25' 55" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-D |
| thôn Lâm Trang | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 37' 00" | 105° 27' 37" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Làng Mới | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 38' 32" | 105° 28' 53" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Minh Đức | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 38' 57" | 105° 26' 27" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Minh Lân | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 38' 06" | 105° 26' 41" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Minh Sơn | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 38' 47" | 105° 26' 43" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Mỹ Hòa | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 39' 52" | 105° 25' 14" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Nghi Văn | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 39' 24" | 105° 26' 14" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Nghi Xuân | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 39' 16" | 105° 25' 53" | | | | | E-48-31-D |
| đập Ông Thụ | TV | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 36' 56" | 105° 27' 57" | | | | | E-48-31-D |
| núi Phượng Hoàng | SV | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 43' 29" | 105° 26' 09" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Phượng Hoàng | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 37' 21" | 105° 27' 51" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Quân Hội | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 39' 36" | 105° 26' 16" | | | | | E-48-31-D |
| Suối Quanh | TV | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 40' 02" | 105° 27' 33" | 18° 40' 01" | 105° 25' 51" | E-48-31-D |
| thôn Sơn Lĩnh 1 | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 40' 22" | 105° 26' 30" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Sơn Lĩnh 2 | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 40' 08" | 105° 26' 37" | | | | | E-48-31-D |
| núi Tam Thai | SV | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 37' 10" | 105° 26' 45" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Tân Hòa 1 | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 37' 40" | 105° 27' 05" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Tân Hòa 2 | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 37' 53" | 105° 27' 28" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Tân Lâm | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 38' 25" | 105° 27' 18" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Tân Mỹ | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 38' 39" | 105° 26' 59" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Tân Phượng 1 | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 37' 59" | 105° 27' 43" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Tân Phượng 2 | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 37' 51" | 105° 28' 02" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Tân Sơn | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 38' 06" | 105° 28' 11" | | | | | E-48-31-D |
| Suối Tháp | TV | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 56" | 105° 27' 57" | 18° 39' 24" | 105° 25' 28" | E-48-31-D |
| Núi Trăm | SV | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 40' 19" | 105° 26' 52" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Triều Long 1 | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 39' 46" | 105° 26' 42" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Triều Long 2 | DC | xã Thanh Lâm | H. Thanh Chương | 18° 39' 40" | 105° 26' 32" | | | | | E-48-31-D |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-A, E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| núi Chạng Nạng | SV | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 47' 52" | 105° 15' 31" | | | | | E-48-31-A |
| Sông Giăng | TV | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | | | 18° 52' 29" | 104° 50' 11" | 18° 50' 07" | 105° 16' 38" | E-48-31-A, E-48-31-B-c |
| xóm Liên Bang | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 48' 57" | 105° 14' 55" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Liên Châu | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 49' 44" | 105° 15' 24" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Liên Đình | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 48' 47" | 105° 15' 53" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Liên Đồng | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 49' 16" | 105° 14' 38" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Liên Đức | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 48' 42" | 105° 15' 06" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Liên Hòa | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 49' 58" | 105° 14' 59" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Liên Hồng | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 49' 01" | 105° 14' 24" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Liên Hương | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 50' 07" | 105° 14' 49" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Liên Minh | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 48' 28" | 105° 15' 53" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Liên Phúc | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 48' 44" | 105° 16' 21" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Liên Sơn | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 49' 03" | 105° 14' 12" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Liên Tân | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 49' 15" | 105° 16' 43" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Liên Thành | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 49' 16" | 105° 14' 10" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Liên Thượng | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 49' 07" | 105° 13' 47" | | | | | E-48-31-A |
| xóm Liên Trung | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 48' 32" | 105° 15' 36" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Liên Yên | DC | xã Thanh Liên | H. Thanh Chương | 18° 49' 04" | 105° 16' 31" | | | | | E-48-31-B-c |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-B-c |
| núi Đại Điền | SV | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 47' 41" | 105° 16' 20" | | | | | E-48-31-B-c |
| Thôn Đồng | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 47' 21" | 105° 17' 59" | | | | | E-48-31-B-c |
| Thôn Hạ | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 46' 40" | 105° 18' 43" | | | | | E-48-31-B-c |
| Thôn Hồng | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 47' 22" | 105° 19' 32" | | | | | E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Thôn Long | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 47' 05" | 105° 18' 26" | | | | | E-48-31-B-c |
| Thôn Sơn | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 46' 55" | 105° 18' 38" | | | | | E-48-31-B-c |
| Thôn Thành | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 47' 23" | 105° 18' 39" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Thị Tứ | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 47' 28" | 105° 18' 08" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn Thượng | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 47' 39" | 105° 17' 10" | | | | | E-48-31-B-c |
| Thôn Thủy | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 47' 09" | 105° 18' 57" | | | | | E-48-31-B-c |
| Sông Trai | TV | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | | | 18° 45' 59" | 105° 14' 51" | 18° 46' 17" | 105° 18' 47" | E-48-31-B-c |
| Thôn Trung | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 47' 12" | 105° 18' 08" | | | | | E-48-31-B-c |
| Thôn Trường | DC | xã Thanh Lĩnh | H. Thanh Chương | 18° 47' 35" | 105° 18' 58" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 1 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 43' 06" | 105° 22' 34" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 51" | 105° 22' 43" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 41" | 105° 22' 48" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 34" | 105° 22' 51" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 25" | 105° 22' 53" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 14" | 18° 42' 10" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 7 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 10" | 105° 23' 10" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 8 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 01" | 105° 22' 17" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 9 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 01" | 105° 22' 01" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 10 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 08" | 105° 21' 45" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 11 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 23" | 105° 21' 46" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 12 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 41" | 105° 21' 44" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 13 | DC | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | 18° 42' 22" | 105° 21' 38" | | | | | E-48-31-D |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Long | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-D |
| xóm 1 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 42' 03" | 105° 25' 14" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 41' 57" | 105° 25' 08" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 41' 53" | 105° 25' 15" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 41' 47" | 105° 25' 16" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 41' 55" | 105° 25' 22" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 41' 55" | 105° 25' 36" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 7 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 43' 06" | 105° 25' 30" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 8 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 43' 22" | 105° 25' 11" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 9 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 43' 26" | 105° 25' 39" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 10 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 43' 48" | 105° 26' 06" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 11 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 43' 08" | 105° 25' 43" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 13 | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 42' 44" | 105° 25' 44" | | | | | E-48-31-D |
| quốc lộ 46 | KX | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-31-D |
| Xóm Chùa | DC | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 41' 50" | 105° 26' 04" | | | | | E-48-31-D |
| núi Cồn Hội | SV | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 43' 39" | 105° 25' 33" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Gang | TV | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-D |
| núi Phượng Hoàng | SV | xã Thanh Lương | H. Thanh Chương | 18° 43' 29" | 105° 26' 09" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 1 | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 39' 54" | 105° 24' 35" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 40' 02" | 105° 24' 21" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 39' 28" | 105° 23' 51" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 39' 10" | 105° 23' 05" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 39' 11" | 105° 23' 30" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 38' 53" | 105° 23' 37" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 7A | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 38' 59" | 105° 24' 12" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 7B | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 39' 09" | 105° 24' 38" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 8A | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 39' 14" | 105° 24' 27" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 8B | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 39' 24" | 105° 24' 16" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Bắc Sơn | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 38' 22" | 105° 22' 31" | | | | | E-48-31-D |
| đập Cửa Ông | TV | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 38' 59" | 105° 22' 16" | | | | | E-48-31-D |
| hồ Cửa Ông | TV | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 38' 44" | 105° 22' 13" | | | | | E-48-31-D |
| suối Đá Bia | TV | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | | | 18° 35' 22" | 105° 23' 02" | 18° 37' 50" | 105° 22' 09" | E-48-31-D |
| xóm Đá Bia | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 36' 35" | 105° 21' 54" | | | | | E-48-31-D |
| Xí nghiệp Dịch vụ Chế biến chè Thanh Mai | KX | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 37' 48" | 105° 22' 45" | | | | | E-48-31-D |
| núi Giăng Mòn | SV | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 37' 35" | 105° 20' 13" | | | | | E-48-31-D |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-D |
| Núi Môn | SV | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 38' 46" | 105° 22' 44" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Nam Sơn | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 38' 03" | 105° 21' 42" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Tiền | TV | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 06" | 105° 19' 49" | 18° 37' 50" | 105° 22' 09" | E-48-31-D |
| Xóm Tràn | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 38' 31" | 105° 23' 00" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Trung Sơn | DC | xã Thanh Mai | H. Thanh Chương | 18° 38' 29" | 105° 22' 01" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 1 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 49' 51" | 105° 12' 07" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 49' 41" | 105° 12' 17" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 50' 07" | 105° 12' 07" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 49' 50" | 105° 12' 41" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 49' 21" | 105° 12' 52" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 49' 12" | 105° 13' 30" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 7 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 49' 05" | 105° 12' 53" | | | | | E-48-31-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 8 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 49' 18" | 105° 12' 06" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 9 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 48' 35" | 105° 12' 54" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 10 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 48' 04" | 105° 13' 20" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 11 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 47' 13" | 105° 13' 09" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 12 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 47' 41" | 105° 12' 34" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 13 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 48' 07" | 105° 12' 45" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 14 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 48' 19" | 105° 12' 10" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 15 | DC | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 48' 35" | 105° 11' 57" | | | | | E-48-31-A |
| núi Đại Cán | SV | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 46' 07" | 105° 12' 10" | | | | | E-48-31-A |
| Sông Giăng | TV | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | | | 18° 52' 29" | 104° 50' 11" | 18° 50' 07" | 105° 16' 38" | E-48-31-A |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-A |
| Suối Lèn | TV | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | | | 18° 48' 52" | 105° 11' 37" | 18° 49' 29" | 105° 13' 40" | E-48-31-A |
| Suối Mét | TV | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | | | 18° 46' 34" | 105° 12' 02" | 18° 49' 13" | 105° 12' 24" | E-48-31-A |
| núi Tháp Bút | SV | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 46' 56" | 105° 15' 01" | | | | | E-48-31-B-c |
| đập Vực Sụ | TV | xã Thanh Mỹ | H. Thanh Chương | 18° 47' 38" | 105° 13' 09" | | | | | E-48-31-A |
| quốc lộ 46B | KX | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-B-c |
| đập Bang Nhượng | TV | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 47' 36" | 105° 21' 44" | | | | | E-48-31-B-d |
| núi Cồn Ngơu | SV | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 46' 26" | 105° 22' 55" | | | | | E-48-31-B-d |
| Sông Gang | TV | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |
| xóm Minh Thuận | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 45' 53" | 105° 21' 33" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Ngọc Đình | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 45' 56" | 105° 20' 48" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Ngọc Hạ | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 46' 34" | 105° 21' 44" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Ngọc Khánh | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 46' 27" | 105° 21' 08" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Ngọc Minh | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 45' 29" | 105° 21' 07" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Ngọc Quang | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 47' 02" | 105° 22' 14" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Ngọc Thượng | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 47' 12" | 105° 21' 32" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Ngọc Xuân 1 | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 47' 41" | 105° 22' 04" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Ngọc Xuân 2 | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 47' 30" | 105° 22' 04" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm Phú Nhuận 1 | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 47' 38" | 105° 23' 28" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm Phú Nhuận 2 | DC | xã Thanh Ngọc | H. Thanh Chương | 18° 47' 12" | 105° 23' 05" | | | | | E-48-31-B-d |
| xóm 1A | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 50' 44" | 105° 13' 40" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 1B | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 51' 05" | 105° 13' 28" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 51' 17" | 105° 13' 14" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 50' 59" | 105° 13' 10" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 51' 06" | 105° 12' 58" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 50' 55" | 105° 12' 37" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 51' 05" | 105° 12' 13" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 7 | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 52' 30" | 105° 12' 41" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 8 | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 52' 11" | 105° 11' 49" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 9 | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 51' 35" | 105° 11' 38 | | | | | E-48-31-A |
| xóm 10 | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 52' 17" | 105° 11' 18" | | | | | E-48-31-A |
| núi Cồn Điển | SV | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 53' 16" | 105° 12' 36" | | | | | E-48-31-A |
| Sông Giăng | TV | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | | | 18° 52' 29" | 104° 50' 11" | 18° 50' 07" | 105° 16' 38" | E-48-31-A |
| Xóm Mới | DC | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 50' 36" | 105° 13' 08" | | | | | E-48-31-A |
| núi Ông Búng | SV | xã Thanh Nho | H. Thanh Chương | 18° 51' 21" | 105° 12' 08" | | | | | E-48-31-A |
| xóm 1A | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 49' 45" | 105° 19' 53" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 1B | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 48' 33" | 105° 20' 16" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2A | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 49' 57" | 105° 19' 59" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2B | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 48' 45" | 105° 20' 30" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 3A | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 50' 02" | 105° 20' 06" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3B | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 48' 53" | 105° 20' 41" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4A | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 50' 03" | 105° 20' 15" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4B | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 49' 10" | 105° 20' 33" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 5A | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 50' 35" | 105° 20' 58" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 5B | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 49' 20" | 105° 20' 39" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 6A | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 50' 29" | 105° 21' 22" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 6B | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 49' 24" | 105° 20' 59" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 7A | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 50' 21" | 105° 21' 07" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 7B | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 49' 04" | 105° 21' 04" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 8A | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 50' 10" | 105° 21' 06" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 8B | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 18° 49' 38" | 105° 21' 17" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 9A | DC | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | 105° 20' 57" | 105° 20' 57" | | | | | E-48-31-B-c |
| Sông Gang | TV | xã Thanh Phong | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-B-c |
| bản Cao Sơn | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 31" | 105° 11' 25" | | | | | E-48-31-A |
| suối Cây Cam | TV | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | | | 18° 47' 35" | 105° 06' 48" | 18° 47' 47" | 105° 08' 45" | E-48-31-A |
| bản Chà Coong 1 | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 47' 14" | 105° 08' 46" | | | | | E-48-31-A |
| bản Chà Coong 2 | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 47' 36" | 105° 08' 30" | | | | | E-48-31-A |
| Sông Con | TV | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | | | 19° 15' 32" | 105° 25' 09" | 19° 02' 14" | 104° 58' 20" | E-48-19-D-d, E-48-18-D |
| Suối Con | TV | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | | | 19° 24' 13" | 105° 25' 17" | 19° 22' 56" | 105° 24' 11" | E-48-19-B-b |
| núi Con Bò | SV | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 47' 20" | 105° 09' 46" | | | | | E-48-31-A |
| bản Đại Sơn | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 01" | 105° 07' 40" | | | | | E-48-31-A |
| Suối Dưới | TV | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | | | 18° 42' 58" | 105° 06' 29" | 18° 44' 35" | 105° 06' 03" | E-48-31-C |
| bản Hạnh Tiến | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 53" | 105° 10' 33" | | | | | E-48-31-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Hòa Sơn | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 53" | 105° 10' 48" | | | | | E-48-31-A |
| bản Kim Chương | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 45' 32" | 105° 09' 08" | | | | | E-48-31-A |
| bản Kim Hạnh | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 45' 36" | 105° 07' 43" | | | | | E-48-31-A |
| bản Kim Lâm | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 31" | 105° 09' 59" | | | | | E-48-31-A |
| bản Kim Thanh | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 48" | 105° 09' 28" | | | | | E-48-31-A |
| bản Nhạn Cán | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 19" | 105° 07' 33" | | | | | E-48-31-A |
| bản Tân Lập | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 38" | 105° 08' 24" | | | | | E-48-31-A |
| bản Thái Lâm | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 40" | 105° 08' 13" | | | | | E-48-31-A |
| bản Thanh Bình | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 47' 47" | 105° 07' 40" | | | | | E-48-31-A |
| bản Thanh Hòa | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 46' 45" | 105° 08' 40" | | | | | E-48-31-A |
| Suối Tràn | TV | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | | | 18° 43' 16" | 105° 07' 27" | 18° 44' 58" | 105° 06' 21" | E-48-31-C |
| Suối Truyền | TV | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | | | 18° 43' 11" | 105° 07' 45" | 18° 47' 09" | 105° 09' 11" | E-48-31-C, E-48-31-A |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | E-48-31-C |
| bản Xốp Lằm | DC | xã Thanh Sơn | H. Thanh Chương | 18° 47' 11" | 105° 09' 05" | | | | | E-48-31-A |
| thôn 1A | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 45' 02" | 105° 15' 37" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 1B | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 45' 17" | 105° 15' 42" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 2 | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 45' 06" | 105° 16' 14" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 3 | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 45' 04" | 105° 16' 52" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 4 | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 45' 21" | 105° 18' 03" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 5 | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 45' 44" | 105° 18' 29" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 6 | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 45' 42" | 105° 18' 02" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 7 | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 45' 48" | 105° 17' 43" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 8 | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 46' 02" | 105° 18' 11" | | | | | E-48-31-B-c |
| thôn 9 | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 46' 34" | 105° 17' 56" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| thôn 10 | DC | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 46' 22" | 105° 17' 58" | | | | | E-48-31-B-c |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-B-c |
| núi Cô Xô | SV | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 45' 31" | 105° 15' 26" | | | | | E-48-31-B-c |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-C |
| Suối Khai | TV | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | | | 18° 41' 14" | 105° 10' 28" | 18° 44' 48" | 105° 13' 36" | E-48-31-A |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |
| suối Mạn Tác | TV | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | | | 18° 40' 20" | 105° 12' 13" | 18° 44' 59" | 105° 14' 08" | E-48-31-C |
| Suối Mọ | TV | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | | | 18° 45' 08" | 105° 15' 25" | 18° 46' 45" | 105° 18' 06" | E-48-31-B-c |
| núi Mo Nu | SV | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | 18° 44' 17" | 105° 15' 16" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Trai | TV | xã Thanh Thịnh | H. Thanh Chương | | | 18° 45' 59" | 105° 14' 51" | 18° 46' 17" | 105° 18' 47" | E-48-31-B-c |
| thôn 1 | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 41' 37" | 105° 19' 18" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 2 | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 41' 42" | 105° 18' 41" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 3 | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 41' 05" | 105° 17' 36" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 4 | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 41' 37" | 105° 17' 57" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 5 | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 42' 04" | 105° 18' 13" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 6 | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 42' 21" | 105° 17' 46" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 7 | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 42' 38" | 105° 18' 08" | | | | | E-48-31-D |
| thôn 8 | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 42' 30" | 105° 18' 53" | | | | | E-48-31-D |
| quốc lộ 46 | KX | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-31-D |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-D |
| suối Hỏi Lâm | TV | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | | | 18° 40' 25" | 105° 13' 41" | 18° 41' 28" | 105° 15' 18" | E-48-31-C, E-48-31-D |
| thôn Khe Mừ | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 42' 05" | 105° 16' 24" | | | | | E-48-31-D |
| hồ Lãi Lò | TV | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 42' 49" | 105° 17' 21" | | | | | E-48-31-D |
| Làng Mới | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 40' 51" | 105° 14' 43" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Suối Mừ | TV | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | | | 18° 41' 28" | 105° 15' 18" | 18° 43' 03" | 105° 17' 10" | E-48-31-D |
| núi Mũ Dùng | SV | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 38' 37" | 105° 16' 48" | | | | | E-48-31-D |
| Nông trường Ngọc Lâm | KX | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 43' 04" | 105° 16' 34" | | | | | E-48-31-D |
| núi Ngọc Lâm | SV | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 42' 52" | 105° 18' 02" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Rộ | TV | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | | | 18° 41' 38" | 105° 18' 16" | 18° 43' 47" | 105° 21' 55" | E-48-31-D |
| thôn Thị Tứ | DC | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 18° 41' 58" | 105° 18' 35" | | | | | E-48-31-D |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | E-48-31-C |
| sông Võ Liệt | TV | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | | | 18° 39' 21" | 105° 11' 41" | 18° 43' 47" | 105° 21' 55" | E-48-31-C |
| suối Võ Liệt | TV | xã Thanh Thủy | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 57" | 105° 12' 04" | 18° 37' 58" | 105° 15' 11" | E-48-31-C |
| xóm 1 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 49' 56" | 105° 17' 14" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 49' 39" | 105° 17' 18" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 49' 43" | 105° 17' 05" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 49' 29" | 105° 16' 57" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 49' 08" | 105° 16' 54" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 48' 50" | 105° 16' 53" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 7 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 48' 37" | 105° 16' 25" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 8 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 48' 21" | 105° 16' 31" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 9 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 48' 35" | 105° 17' 13" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 10 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 48' 28" | 105° 16' 46" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 11 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 48' 21" | 105° 17' 07" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 12 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 47' 58" | 105° 17' 08" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 13 | DC | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 49' 19" | 105° 16' 52" | | | | | E-48-31-B-c |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-B-c |
| núi Đại Điền | SV | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | 18° 47' 41" | 105° 16' 20" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Giăng | TV | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | | | 18° 52' 29" | 104° 50' 11" | 18° 50' 07" | 105° 16' 38" | E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Tiên | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |
| suối Cầu Nậy | TV | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | | | 18° 39' 47" | 105° 20' 30" | 18° 40' 30" | 105° 24' 02" | E-48-31-D |
| xóm Cồn Sông | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 39' 53" | 105° 22' 56" | | | | | E-48-31-D |
| suối Con Voi | TV | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 39" | 105° 18' 37" | 18° 39' 47" | 105° 20' 30" | E-48-31-D |
| đập Cửa Ông | TV | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 38' 59" | 105° 22' 16" | | | | | E-48-31-D |
| hồ Cửa Ông | TV | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 38' 44" | 105° 22' 13" | | | | | E-48-31-D |
| núi Động Am | SV | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 39' 16" | 105° 21' 44" | | | | | E-48-31-D |
| núi Đồng Kè | SV | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 40' 47" | 105° 22' 54" | | | | | E-48-31-D |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-D |
| xóm Kim Long | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 40' 12" | 105° 23' 50" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Minh Đường | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 41' 03" | 105° 23' 33" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Minh Sơn | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 41' 07" | 105° 23' 19" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Phượng Hoàng | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 40' 01" | 105° 22' 33" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Phượng Lộc | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 40' 22" | 105° 22' 15" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Tân Phượng | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 40' 35" | 105° 22' 21" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Thuần Trung | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 40' 58" | 105° 23' 48" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Trường Long | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 40' 28" | 105° 23' 02" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Tùng Tân | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 40' 18" | 105° 23' 35" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Yên Thành | DC | xã Thanh Tùng | H. Thanh Chương | 18° 41' 13" | 105° 22' 50" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 1 | DC | xã Thanh Tường | H. Thanh Chương | 18° 47' 52" | 105° 18' 40" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Tường | H. Thanh Chương | 18° 47' 55" | 105° 18' 47" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Tường | H. Thanh Chương | 18° 47' 59" | 105° 18' 54" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Tường | H. Thanh Chương | 18° 48' 02" | 105° 19' 00" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Tường | H. Thanh Chương | 18° 48' 14" | 105° 19' 07" | | | | | E-48-31-B-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Tường | H. Thanh Chương | 18° 48' 29" | 105° 19' 21" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 7 | DC | xã Thanh Tường | H. Thanh Chương | 18° 48' 36" | 105° 19' 28" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 8 | DC | xã Thanh Tường | H. Thanh Chương | 18° 48' 37" | 105° 19' 22" | | | | | E-48-31-B-c |
| quốc lộ 46 | KX | xã Thanh Tường | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-31-B-c |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Tường | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-B-c |
| xóm 1 | DC | xã Thanh Văn | H. Thanh Chương | 18° 48' 46" | 105° 18' 25" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 2 | DC | xã Thanh Văn | H. Thanh Chương | 18° 48' 27" | 105° 18' 30" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 3 | DC | xã Thanh Văn | H. Thanh Chương | 18° 48' 32" | 105° 18' 07" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 4 | DC | xã Thanh Văn | H. Thanh Chương | 18° 48' 44" | 105° 18' 04" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 5 | DC | xã Thanh Văn | H. Thanh Chương | 18° 49' 14" | 105° 18' 05" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 6 | DC | xã Thanh Văn | H. Thanh Chương | 18° 48' 28" | 105° 17' 47" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 7 | DC | xã Thanh Văn | H. Thanh Chương | 18° 48' 14" | 105° 17' 40" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 8 | DC | xã Thanh Văn | H. Thanh Chương | 18° 47' 43" | 105° 18' 07" | | | | | E-48-31-B-c |
| xóm 9 | DC | xã Thanh Văn | H. Thanh Chương | 18° 47' 46" | 105° 18' 21" | | | | | E-48-31-B-c |
| quốc lộ 46B | KX | xã Thanh Văn | H. Thanh Chương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-B-c |
| đường Hồ Chí Minh | KX | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 38" | 105° 26' 56" | 18° 35' 45" | 105° 26' 04" | E-48-31-D |
| hồ Hưu Sỹ | TV | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 37' 29" | 105° 23' 31" | | | | | E-48-31-D |
| núi Kim Nghê | SV | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 38' 07" | 105° 25' 55" | | | | | E-48-31-D |
| Suối Ngậy | TV | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | | | 18° 35' 19" | 105° 24' 03" | 18° 39' 25" | 105° 25' 28" | E-48-31-D |
| núi Tam Thai | SV | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 37' 10" | 105° 26' 45" | | | | | E-48-31-D |
| Suối Tháp | TV | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 56" | 105° 27' 57" | 18° 39' 24" | 105° 25' 28" | E-48-31-D |
| xóm Xuân Điền | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 38' 30" | 105° 25' 17" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Đồng | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 38' 33" | 105° 25' 54" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Dũng 1 | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 37' 45" | 105° 24' 52" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Dũng 2 | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 37' 19" | 105° 25' 00" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Xuân Hiền | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 36' 46" | 105° 24' 01" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Hoa | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 37' 26" | 105° 25' 11" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Hòa | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 39' 21" | 105° 25' 06" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Hồng | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 39' 14" | 105° 24' 47" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Liên | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 37' 37" | 105° 25' 09" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Nam | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 38' 44" | 105° 25' 25" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Ngọc | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 37' 37" | 105° 24' 38" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Quỳnh | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 37' 07" | 105° 23' 23" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Sơn 1 | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 36' 46" | 105° 26' 43" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Sơn 2 | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 37' 01" | 105° 26' 37" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Thảo | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 36' 29" | 105° 25' 46" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Thủy | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 38' 39" | 105° 24' 42" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Xuân Trung | DC | xã Thanh Xuân | H. Thanh Chương | 18° 37' 19" | 105° 24' 46" | | | | | E-48-31-D |
| quốc lộ 46 | KX | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-31-D |
| Núi Đừng | SV | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 41' 33" | 105° 26' 03" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-D |
| xóm Yên Bình | DC | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 41' 11" | 105° 25' 55" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Yên Đình | DC | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 42' 17" | 105° 25' 59" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Yên Hồng | DC | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 41' 13" | 105° 25' 33" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Yên Long | DC | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 41' 36" | 105° 25' 22" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Yên Mỹ | DC | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 41' 42" | 105° 25' 33" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Yên Phú | DC | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 41' 23" | 105° 26' 04" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Yên Quang | DC | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 41' 55" | 105° 25' 47" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Yên Sơn | DC | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 41' 33" | 105° 25' 46" | | | | | E-48-31-D |
| xóm Yên Thắng | DC | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 41' 34" | 105° 26' 11" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Yên Trung | DC | xã Thanh Yên | H. Thanh Chương | 18° 41' 32" | 105° 25' 38" | | | | | E-48-31-D |
| quốc lộ 46 | KX | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | | | 18° 36' 19" | 105° 11' 23" | 18° 49' 41" | 105° 42' 18" | E-48-31-D |
| đường tỉnh 533 | KX | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | | | 18° 54' 45" | 105° 15' 14" | 18° 38' 32" | 105° 30' 37" | E-48-31-D |
| núi Cồn Cao | SV | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 42' 35" | 105° 19' 37" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Hòa Hợp | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 43' 26" | 105° 20' 49" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Khai Tiến | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 43' 15" | 105° 22' 24" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Kim Hòa | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 42' 28" | 105° 20' 45" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Kim Lương | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 42' 46" | 105° 20' 29" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Kim Sơn | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 42' 31" | 105° 21' 05" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Kim Thanh | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 42' 46" | 105° 20' 09" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Kim Tiến | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 42' 24" | 105° 20' 20" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-D |
| thôn Lam Giang | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 43' 26" | 105° 22' 11" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Liên Kỳ | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 43' 07" | 105° 21' 42" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Rộ | TV | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | | | 18° 41' 38" | 105° 18' 16" | 18° 43' 47" | 105° 21' 55" | E-48-31-D |
| thôn Tân Hà | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 42' 55" | 105° 20' 49" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Thượng Đức | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 43' 44" | 105° 21' 36" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Tiên Chính | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 42' 32" | 105° 21' 27" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Tiên Thanh | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 42' 50" | 105° 21' 27" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Trung Đức | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 43' 38" | 105° 21' 53" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Trường Yên | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 43' 10" | 105° 21' 22" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Vận Tải | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 43' 39" | 105° 21' 59" | | | | | E-48-31-D |
| thôn Yên Xuân | DC | xã Võ Liệt | H. Thanh Chương | 18° 43' 59" | 105° 21' 01" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 1 | DC | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 44' 25" | 105° 24' 33" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 2 | DC | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 44' 09" | 105° 23' 57" | | | | | E-48-31-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 3 | DC | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 43' 44" | 105° 23' 38" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 4 | DC | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 43' 44" | 105° 23' 00" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 5 | DC | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 43' 32" | 105° 23' 21" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 6 | DC | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 43' 21" | 105° 23' 34" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 7 | DC | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 43' 08" | 105° 23' 53" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 8 | DC | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 42' 54" | 105° 23' 51" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 9 | DC | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 42' 57" | 105° 24' 03" | | | | | E-48-31-D |
| xóm 10 | DC | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 42' 44" | 105° 24' 07" | | | | | E-48-31-D |
| quốc lộ 46B | KX | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | | | 18° 53' 20" | 105° 18' 32" | 18° 44' 07" | 105° 22' 18" | E-48-31-D |
| núi Của Trại | SV | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 44' 37" | 105° 24' 35" | | | | | E-48-31-D |
| núi Đồng Kiêng | SV | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | 18° 43' 27" | 105° 23' 53" | | | | | E-48-31-D |
| Sông Gang | TV | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | | | 18° 51' 44" | 105° 24' 55" | 18° 41' 54" | 105° 27' 23" | E-48-31-D |
| Sông Lam | TV | xã Xuân Tường | H. Thanh Chương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-31-D |
| quốc lộ 7 | KX | TT. Hòa Bình | H. Tương Dương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-17-B |
| khối Hòa Bắc | DC | TT. Hòa Bình | H. Tương Dương | 19° 15' 56" | 104° 28' 06" | | | | | E-48-17-B |
| khối Hòa Đông | DC | TT. Hòa Bình | H. Tương Dương | 19° 15' 32" | 104° 28' 45" | | | | | E-48-17-B |
| khối Hòa Nam | DC | TT. Hòa Bình | H. Tương Dương | 19° 15' 39" | 104° 28' 05" | | | | | E-48-17-B |
| khối Hòa Tân | DC | TT. Hòa Bình | H. Tương Dương | 19° 15' 52" | 104° 28' 22" | | | | | E-48-17-B |
| khối Hòa Tây | DC | TT. Hòa Bình | H. Tương Dương | 19° 15' 55" | 104° 27' 52" | | | | | E-48-17-B |
| khối Hòa Trung | DC | TT. Hòa Bình | H. Tương Dương | 19° 15' 47" | 104° 28' 13" | | | | | E-48-17-B |
| Sông Lam | TV | TT. Hòa Bình | H. Tương Dương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-17-B |
| núi Búm Sứa | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 28' 33" | 104° 34' 52" | | | | | E-48-18-A |
| núi Cà Mong | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 25' 17" | 104° 38' 03" | | | | | E-48-18-A |
| suối Cà Mong | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 24' 28" | 104° 38' 14" | 19° 26' 43" | 104° 35' 28" | E-48-18-A |
| suối Cà Múc | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 25' 50" | 104° 40' 17" | 19° 27' 21" | 104° 36' 19" | E-48-18-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Suối Cán | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 31' 29" | 104° 32' 59" | 19° 30' 20" | 104° 32' 31" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| suối Cha La | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 34' 41" | 104° 36' 44" | 19° 33' 20" | 104° 38' 26" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| suối Cha Lai | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 33' 25" | 104° 40' 06" | 19° 30' 31" | 104° 37' 31" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| bản Chà Lâng | DC | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 34' 06" | 104° 37' 52" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| khe Chà Lạt | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 33' 12" | 104° 38' 22" | 19° 31' 30" | 104° 38' 30" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| núi Chà Lặt | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 33' 43" | 104° 40' 17" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| suối Chà Lau | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 25' 20" | 104° 35' 21" | 19° 25' 24" | 104° 34' 06" | E-48-18-A |
| núi Chà Lòng | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 28' 09" | 104° 35' 51" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Suối Chan | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 27' 22" | 104° 38' 14" | 19° 28' 00" | 104° 36' 41" | E-48-18-A |
| núi Chò Lật | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 30' 00" | 104° 41' 33" | | | | | E-48-18-A |
| Suối Cọ | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 26' 26" | 104° 40' 50" | 19° 28' 11" | 104° 39' 04" | E-48-18-A |
| bản Con Phen | DC | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 32' 05" | 104° 38' 28" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Núi Đỉnh | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 30' 39" | 104° 41' 44" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Suối Hốc | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 17' 36" | 104° 12' 11" | 19° 18' 49" | 104° 13' 15" | E-48-17-C |
| suối Hồng Lam | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 32' 37" | 104° 35' 57" | 19° 30' 56" | 104° 36' 44" | E-48-6-A, E-48-6-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Huổi Cọ | DC | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 27' 19" | 104° 40' 16" | | | | | E-48-18-A |
| suối Huổi Nam | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 33' 39" | 104° 35' 01" | 19° 32' 37" | 104° 35' 57" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| bản Huổi Pủng | DC | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 32' 36" | 104° 36' 00" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Suối Kẹp | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 29' 55" | 104° 41' 54" | 19° 29' 01" | 104° 37' 01" | E-48-18-A |
| Sông Lam | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-18-A |
| Suối Lo | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 27' 26" | 104° 42' 11" | 19° 26' 57" | 104° 40' 35" | E-48-18-A |
| Núi Lọ | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 27' 16" | 104° 41' 52" | | | | | E-48-18-A |
| Núi Mà | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 28' 09" | 104° 35' 21" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Núi Man | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 32' 10" | 104° 35' 18" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Núi Muộng | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 28' 47" | 104° 38' 20" | | | | | E-48-18-A |
| suối Nam | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 34' 00" | 104° 37' 00" | 19° 32' 57" | 104° 36' 15" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Nậm Nơn | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 40' 58" | 104° 04' 07" | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Suối Pha | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 28' 13" | 104° 41' 51" | 19° 27' 38" | 104° 39' 58" | E-48-18-A |
| núi Phá Cờ | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 21' 57" | 104° 35' 23" | | | | | E-48-18-A |
| núi Phả Mựt | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 35' 10" | 104° 38' 04" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| núi Phu Mai | SV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 26' 15" | 104° 40' 37" | | | | | E-48-18-A |
| bản Pủng Bón | DC | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 31' 42" | 104° 40' 14" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Suối Sang | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 23' 25" | 104° 37' 49" | 19° 25' 05" | 104° 33' 36" | E-48-18-A |
| suối Sọt Nai | TV | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | | | 19° 28' 37" | 104° 32' 54" | 19° 29' 53" | 104° 33' 30" | E-48-18-A |
| bản Tùng Hốc | DC | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 33' 01" | 104° 38' 21" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Bản Xàn | DC | xã Hữu Khuông | H. Tương Dương | 19° 28' 50" | 104° 39' 40" | | | | | E-48-18-A |
| núi Búm Sứa | SV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 28' 33" | 104° 34' 52" | | | | | E-48-18-A |
| bản Cà Mong | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 23' 28" | 104° 26' 30" | | | | | E-48-17-B |
| Suối Cắt | TV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | | | 19° 26' 41" | 104° 24' 19" | 19° 23' 56" | 104° 31' 21" | E-48-17-B |
| suối Chà Ca | TV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | | | 19° 26' 05" | 104° 31' 06" | 19° 25' 07" | 104° 33' 35" | E-48-18-A |
| núi Chà Lòng | SV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 28' 09" | 104° 35' 51" | | | | | E-48-18-A |
| bản Chăm Puông | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 21' 42" | 104° 21' 52" | | | | | E-48-17-B |
| Bản Côi | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 20' 40" | 104° 26' 40" | | | | | E-48-17-B |
| Bản Cóm | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 24' 03" | 104° 31' 20" | | | | | E-48-18-A |
| bản Còn Tọc | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 28' 41" | 104° 26' 39" | | | | | E-48-17-B |
| Bản Đửa | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 20' 22" | 104° 24' 25" | | | | | E-48-17-B |
| núi Kẻo Ca | SV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 22' 30" | 104° 21' 11" | | | | | E-48-17-B |
| Bản Lả | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 18' 44" | 104° 24' 38" | | | | | E-48-17-B |
| Suối Lác | TV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | | | 19° 22' 18" | 104° 21' 23" | 19° 19' 46" | 104° 26' 09" | E-48-17-B |
| Sông Lam | TV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-17-B |
| Núi Mà | SV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 28' 09" | 104° 35' 21" | | | | | E-48-18-A |
| Suối Mà | TV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | | | 19° 28' 05" | 104° 35' 11" | 19° 26' 46" | 104° 34' 40" | E-48-18-A |
| bản Minh Phương | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 19' 39" | 104° 26' 04" | | | | | E-48-17-B |
| bản Minh Thành | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 21' 20" | 104° 23' 12" | | | | | E-48-17-B |
| bản Minh Tiến | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 21' 00" | 104° 23' 44" | | | | | E-48-17-B |
| núi Nậm Nòn | SV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 22' 52" | 104° 27' 53" | | | | | E-48-17-B |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Pa Ca | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 24' 33" | 104° 21' 22" | | | | | E-48-17-B |
| Suối Thiu | TV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | | | 19° 27' 08" | 104° 26' 32" | 19° 24' 55" | 104° 27' 40" | E-48-17-B |
| Suối Vi | TV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | | | 19° 28' 27" | 104° 26' 25" | 19° 26' 02" | 104° 29' 18" | E-48-17-B |
| Suối Vì | TV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | | | 19° 28' 53" | 104° 27' 47" | 19° 27' 58" | 104° 28' 23" | E-48-17-B |
| núi Xa Khao | SV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 24' 13" | 104° 21' 45" | | | | | E-48-17-B |
| bản Xốp Cháo | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 26' 06" | 104° 29' 31" | | | | | E-48-17-B |
| bản Xốp Mạt | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 19' 44" | 104° 26' 06" | | | | | E-48-17-B |
| bản Xốp Pột | DC | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | 19° 24' 25" | 104° 30' 04" | | | | | E-48-18-A, E-48-17-B |
| Suối Xuống | TV | xã Lượng Minh | H. Tương Dương | | | 19° 28' 10" | 104° 32' 46" | 19° 26' 59" | 104° 34' 09" | E-48-18-A |
| quốc lộ 7 | KX | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-17-B |
| Suối Chan | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 27' 22" | 104° 38' 14" | 19° 28' 00" | 104° 36' 41" | E-48-18-A |
| bản Con Mương | DC | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | 19° 16' 22" | 104° 20' 57" | | | | | E-48-17-B |
| Suối Cui | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 17' 54" | 104° 21' 48" | 19° 17' 40" | 104° 20' 10" | E-48-17-B |
| núi Đọc Mạy | SV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | 19° 07' 37" | 104° 19' 18" | | | | | E-48-18-C |
| bản Khe Kiền | DC | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | 19° 16' 29" | 104° 21' 11" | | | | | E-48-17-B |
| suối Khia Pa | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 15' 22" | 104° 15' 51" | 19° 14' 14" | 104° 17' 10" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| suối Khưu Pan | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 14' 58" | 104° 13' 29" | 19° 14' 14" | 104° 17' 10" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Nậm Kiền | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 15' 12" | 104° 18' 57" | 19° 16' 33" | 104° 21' 19" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Lưu Phong | DC | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | 19° 14' 11" | 104° 17' 39" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Lưu Thông | DC | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | 19° 17' 23" | 104° 18' 47" | | | | | E-48-17-B |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| suối Nậm Khiên | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 12' 23" | 104° 17' 44" | 19° 15' 12" | 104° 18' 57" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| sông Nậm Mộ | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 18' 07" | 103° 52' 56" | 19° 17' 11" | 104° 25' 36" | E-48-17-B |
| Suối Niếc | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 07' 41" | 104° 19' 12" | 19° 12' 23" | 104° 17' 44" | E-48-17-B |
| Núi Niềm | SV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | 19° 17' 17" | 104° 21' 29" | | | | | E-48-17-B |
| Nậm Púng | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 13' 28" | 104° 14' 31" | 19° 14' 05" | 104° 16' 44" | E-48-17-B |
| Bản Pủng | DC | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | 19° 17' 52" | 104° 19' 54" | | | | | E-48-17-B |
| Núi Sơn | SV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | 19° 15' 56" | 104° 17' 11" | | | | | E-48-17-B |
| suối Tản Xà | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 16' 37" | 104° 17' 17" | 19° 17' 50" | 104° 20' 01" | E-48-17-B |
| Suối Thù | TV | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | | | 19° 14' 14" | 104° 17' 10" | 19° 15' 12" | 104° 18' 57" | E-48-17-B |
| bản Xoóng Con | DC | xã Lưu Kiền | H. Tương Dương | 19° 15' 06" | 104° 18' 52" | | | | | E-48-17-B |
| Suối Bén | TV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | | | 19° 38' 48" | 104° 28' 11" | 19° 35' 00" | 104° 23' 54" | E-48-5-D |
| bản Chà Lò 1 | DC | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 34' 39" | 104° 27' 20" | | | | | E-48-5-D |
| bản Chà Lò 2 | DC | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 34' 36" | 104° 27' 32" | | | | | E-48-5-D |
| Núi Cò | SV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 36' 22" | 104° 25' 28" | | | | | E-48-5-D |
| Suối Cới | TV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | | | 19° 36' 26" | 104° 23' 45" | 19° 36' 25" | 104° 24' 40" | E-48-5-D |
| Khe Củm | TV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | | | 19° 34' 11" | 104° 27' 46" | 19° 33' 36" | 104° 26' 52" | E-48-5-D |
| Suối Hang | TV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | | | 19° 37' 38" | 104° 25' 04" | 19° 36' 41" | 104° 24' 32" | E-48-5-D |
| bản Huổi Tố 1 | DC | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 35' 39" | 104° 25' 49" | | | | | E-48-5-D |
| bản Huổi Tố 2 | DC | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 36' 00" | 104° 26' 10" | | | | | E-48-5-D |
| bản Huổi Xá | DC | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 35' 57" | 104° 24' 48" | | | | | E-48-5-D |
| Khe Khiếng | TV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | | | 19° 38' 58" | 104° 27' 08" | 19° 36' 43" | 104° 24' 47" | E-48-5-D |
| núi Lọng Quàng | SV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 38' 36" | 104° 28' 00" | | | | | E-48-5-D |
| Núi Luồn | SV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 36' 02" | 104° 27' 52" | | | | | E-48-5-D |
| bản Na Hang | DC | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 36' 42" | 104° 24' 36" | | | | | E-48-5-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Na Kha | DC | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 36' 48" | 104° 26' 56" | | | | | E-48-5-D |
| Nậm Nơn | TV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | | | 19° 40' 58" | 104° 04' 07" | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | E-48-5-D |
| Khe Pe | TV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | | | 19° 34' 22" | 104° 28' 42" | 19° 32' 21" | 104° 28' 21" | E-48-5-D |
| núi Phá Bén | SV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 38' 34" | 104° 29' 43" | | | | | E-48-5-D |
| bản Phá Kháo | DC | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 38' 15" | 104° 26' 18" | | | | | E-48-5-D |
| bản Piêng Coọc | DC | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 37' 28" | 104° 28' 14" | | | | | E-48-5-D |
| bản Piêng Mựn | DC | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 19° 35' 10" | 104° 24' 04" | | | | | E-48-5-D |
| Suối Tố | TV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | | | 19° 36' 11" | 104° 29' 09" | 19° 35' 33" | 104° 25' 48" | E-48-5-D |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | E-48-6-A+C<br>E-48-5-D |
| Suối Xá | TV | xã Mai Sơn | H. Tương Dương | | | 19° 39' 12" | 104° 24' 57" | 19° 36' 41" | 104° 24' 32" | E-48-5-D |
| quốc lộ 48C | KX | xã Nga My | H. Tương Dương | | | 19° 08' 56" | 104° 41' 13" | 19° 21' 39" | 105° 16' 45" | E-48-18-A,<br>E-48-18-B |
| Bản Bay | DC | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 16' 36" | 104° 47' 06" | | | | | E-48-18-B |
| Bản Canh | DC | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 17' 41" | 104° 48' 59" | | | | | E-48-18-B |
| Suối Chà | TV | xã Nga My | H. Tương Dương | | | 19° 15' 48" | 104° 53' 34" | 19° 17' 12" | 104° 44' 35" | E-48-18-B |
| Khe Chun | TV | xã Nga My | H. Tương Dương | | | 19° 21' 06" | 104° 50' 23" | 19° 18' 55" | 104° 48' 46" | E-48-18-B |
| Bản Đàng | DC | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 17' 09" | 104° 44' 50" | | | | | E-48-18-B |
| Núi Đuồn | SV | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 16' 39" | 104° 44' 38" | | | | | E-48-18-A |
| Suối Kho | TV | xã Nga My | H. Tương Dương | | | 19° 21' 25" | 104° 52' 06" | 19° 18' 25" | 104° 49' 29" | E-48-18-B |
| bản Na Ca | DC | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 16' 32" | 104° 47' 49" | | | | | E-48-18-B |
| bản Na Kho | DC | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 20' 33" | 104° 51' 22" | | | | | E-48-18-B |
| bản Na Ngân | DC | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 22' 13" | 104° 46' 18" | | | | | E-48-18-B |
| Nặm Ngân | TV | xã Nga My | H. Tương Dương | | | 19° 25' 07" | 104° 47' 47" | 19° 16' 49" | 104° 46' 16" | E-48-18-B |
| Núi Phá | SV | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 15' 41" | 104° 44' 50" | | | | | E-48-18-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Bản Pột | DC | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 16' 57" | 104° 46' 25" | | | | | E-48-18-B |
| bản Văng Môn | DC | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 16' 49" | 104° 45' 38" | | | | | E-48-18-B |
| bản Xốp Kho | DC | xã Nga My | H. Tương Dương | 19° 18' 26" | 104° 49' 26" | | | | | E-48-18-B |
| Suối Cán | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 31' 29" | 104° 32' 59" | 19° 30' 20" | 104° 32' 31" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| khe Chà Lẩu | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 28' 45" | 104° 31' 33" | 19° 30' 11" | 104° 31' 31" | E-48-18-A |
| suối Chà Luân | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 31' 07" | 104° 26' 48" | 19° 32' 30" | 104° 27' 43" | E-48-5-D |
| bản Có Hạ | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 34' 09" | 104° 34' 12" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| bản Huổi Cọ | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 36' 20" | 104° 35' 05" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| bản Huổi Mặn | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 36' 18" | 104° 31' 57" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Khe Hỷ | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 36' 54" | 104° 34' 49" | 19° 31' 26" | 104° 29' 16" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| suối Khe Mặn | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 36' 02" | 104° 33' 03" | 19° 33' 52" | 104° 32' 10" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| suối Khe Poọc | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 36' 55" | 104° 31' 15" | 19° 33' 57" | 104° 31' 47" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Suối Muộng | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 31' 54" | 104° 32' 05" | 19° 30' 33" | 104° 32' 16" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| bản Na Hỷ | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 33' 52" | 104° 31' 58" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| bản Na Lợt | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 33' 46" | 104° 33' 36" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| bản Nhôn Mai | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 32' 41" | 104° 29' 49" | | | | | E-48-5-D |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Nậm Nơn | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 40' 58" | 104° 04' 07" | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Khe Pe | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 34' 22" | 104° 28' 42" | 19° 32' 21" | 104° 28' 21" | E-48-5-D |
| bản Phá Mựt | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 35' 59" | 104° 29' 41" | | | | | E-48-5-D |
| huổi Pha Nằng | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 33' 45" | 104° 29' 40" | 19° 32' 36" | 104° 29' 30" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| bản Phia Òi | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 31' 20" | 104° 24' 56" | | | | | E-48-5-D |
| bản Piêng Luống | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 30' 46" | 104° 25' 22" | | | | | E-48-5-D |
| Núi Sánh | SV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 30' 45" | 104° 26' 20" | | | | | E-48-5-D |
| Suối Sánh | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 30' 29" | 104° 28' 31" | 19° 31' 19" | 104° 30' 09" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| bản Thằm Thẩm | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 35' 47" | 104° 36' 55" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| suối Toóng Chính | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 32' 43" | 104° 32' 32" | 19° 33' 09" | 104° 31' 12" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| Suối Tuộc | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 29' 16" | 104° 30' 02" | 19° 30' 28" | 104° 31' 16" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | E-48-6-A+C |
| Suối Vụ | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 30' 38" | 104° 25' 25" | 19° 28' 53" | 104° 27' 47" | E-48-5-D E-48-17-B |
| bản Xa Mặt | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 34' 11" | 104° 29' 47" | | | | | E-48-5-D |
| suối Xa Mặt | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 33' 44" | 104° 30' 27" | 19° 33' 03" | 104° 30' 17" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| suối Xa Vang | TV | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | | | 19° 34' 49" | 104° 33' 18" | 19° 34' 09" | 104° 33' 58" | E-48-6-A, E-48-6-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Xói Voi | DC | xã Nhôn Mai | H. Tương Dương | 19° 35' 22" | 104° 35' 36" | | | | | E-48-6-A, E-48-6-C |
| quốc lộ 7 | KX | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-18-C |
| suối Chà Là | TV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 49' 32" | 105° 00' 39" | 19° 47' 02" | 105° 00' 03" | E-48-7-A |
| Suối Cớ | TV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 07' 04" | 104° 32' 34" | 19° 12' 45" | 104° 38' 02" | E-48-18-C |
| bản Đình Hương | DC | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 13' 06" | 104° 35' 38" | | | | | E-48-18-C |
| bản Đình Phong | DC | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 11' 49" | 104° 36' 59" | | | | | E-48-18-C |
| bản Đình Thắng | DC | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 13' 24" | 104° 36' 22" | | | | | E-48-18-C |
| bản Đình Tiến | DC | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 12' 47" | 104° 40' 00" | | | | | E-48-18-C |
| suối Huồi Hốc | TV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 12' 33" | 104° 08' 01" | 19° 14' 48" | 104° 08' 35" | E-48-17-A |
| Sông Lam | TV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-18-C |
| Núi Lớn | SV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 06' 45" | 104° 34' 30" | | | | | E-48-18-C |
| Núi Mai | SV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 17' 01" | 104° 35' 52" | | | | | E-48-18-A |
| Núi Mọi | SV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 13' 40" | 104° 39' 57" | | | | | E-48-18-C |
| Núi Mun | SV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 09' 20" | 104° 32' 30" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Muộng | TV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 31' 54" | 104° 32' 05" | 19° 30' 33" | 104° 32' 16" | E-48-6-A, E-48-6-C |
| suối Nước Sạch | TV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 14' 38" | 104° 35' 29" | 19° 13' 31" | 104° 35' 57" | E-48-18-C |
| núi Phả Lai | SV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 11' 26" | 104° 38' 36" | | | | | E-48-18-C |
| bản Quang Phúc | DC | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 11' 17" | 104° 34' 54" | | | | | E-48-18-C |
| bản Quang Thịnh | DC | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 10' 56" | 104° 36' 26" | | | | | E-48-18-C |
| bản Quang Yên | DC | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 10' 54" | 104° 35' 48" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Quyên | TV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 10' 42" | 104° 33' 00" | 19° 13' 36" | 104° 32' 36" | E-48-18-C |
| Núi To | SV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 16' 19" | 104° 35' 50" | | | | | E-48-18-A |
| Khe Vai | TV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 15' 36" | 104° 33' 44" | 19° 13' 40" | 104° 33' 48" | E-48-18-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Núi Vi | SV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 13' 59" | 104° 37' 46" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Vì | TV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 28' 53" | 104° 27' 47" | 19° 27' 58" | 104° 28' 23" | E-48-17-B |
| Núi Xái | SV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | 19° 07' 38" | 104° 34' 44" | | | | | E-48-18-C |
| Khe Xiết | TV | xã Tam Đình | H. Tương Dương | | | 19° 11' 43" | 104° 34' 42" | 19° 12' 06" | 104° 33' 40" | E-48-18-C |
| Suối Bủn | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 03' 53" | 104° 22' 52" | 19° 05' 10" | 104° 24' 48" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| suối Chà Lạp | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 10' 50" | 104° 27' 40" | 19° 12' 41" | 104° 30' 51" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| núi Đọc Mạy | SV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | 19° 07' 37" | 104° 19' 18" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Hạ | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 04' 57 | 104° 28' 36" | 19° 07' 28" | 104° 27' 43" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Huổi Sơn | DC | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | 19° 08' 16" | 104° 24' 23" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Suối Khảo | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 07' 25" | 104° 31' 55" | 19° 07' 43" | 104° 28' 49" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| suối Khe Bủn | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 05' 10" | 104° 24' 48" | 19° 06' 23" | 104° 26' 55" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| suối Khe Cặt | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 05' 36" | 104° 31' 49" | 19° 10' 03" | 104° 26' 50" | E-48-17- |
| suối Lồng Cống | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 07' 21" | 104° 25' 34" | 19° 08' 16" | 104° 27' 01" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Suối Muống | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 07' 46" | 104° 25' 31" | 19° 08' 42" | 104° 26' 54" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| núi Ô Lát | SV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | 19° 05' 55" | 104° 27' 49" | | | | | E-48-18-C |
| núi Pác Chà Lõm | SV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | 19° 08' 05" | 104° 31' 30" | | | | | E-48-18-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Phá Lõm | DC | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | 19° 08' 44" | 104° 22' 52" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| suối Phá Lõm | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 09' 16" | 104° 21' 42" | 19° 08' 42" | 104° 22' 52" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Bản Phồng | DC | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | 19° 08' 26" | 104° 27' 10" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Suối Sến | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 04' 47" | 104° 22' 27" | 19° 08' 50" | 104° 24' 27" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Suối Tả | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 11' 52" | 104° 26' 08" | 19° 10' 15" | 104° 26' 32" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| suối Thăm Poỏng | TV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | | | 19° 04' 26" | 104° 21' 08" | 19° 08' 42" | 104° 22' 59" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | E-48-17-D+29-B |
| bản Văng Môn | DC | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | 19° 09' 57" | 104° 25' 36" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Xốp Nặm | DC | xã Tam Hợp | H. Tương Dương | 19° 09' 57" | 104° 26' 51" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| quốc lộ 7 | KX | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-18-C |
| quốc lộ 48C | KX | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 08' 56" | 104° 41' 13" | 19° 21' 39" | 105° 16' 45" | E-48-18-C |
| bản Bãi Sở | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 09' 23" | 104° 41' 18" | | | | | E-48-18-C |
| bản Bãi Xa | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 08' 28" | 104° 42' 21" | | | | | E-48-18-C |
| Khe Đá | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 06' 57" | 104° 34' 49" | 19° 05' 35" | 104° 38' 26" | E-48-18-C |
| suối Đón Can | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 00' 29" | 104° 29' 44" | 19° 02' 52" | 104° 29' 49" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| núi Gam Nhanh | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 07' 04" | 104° 38' 26" | | | | | E-48-18-C |
| bản Khe Bố | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 09' 32" | 104° 40' 28" | | | | | E-48-18-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| mỏ than Khe Bố | KX | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 11' 14" | 104° 40' 29" | | | | | E-48-18-C |
| suối Khe Bố | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 07' 28" | 104° 38' 22" | 19° 09' 27" | 104° 40' 43" | E-48-18-C |
| núi Khe Do | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 10' 11" | 104° 41' 21" | | | | | E-48-18-C |
| núi Kim Gia | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 10' 01" | 104° 43' 04" | | | | | E-48-18-C |
| Sông Lam | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-18-C |
| bản Liên Hương | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 05' 15" | 104° 39' 51" | | | | | E-48-18-C |
| Núi Lớn | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 06' 45" | 104° 34' 30" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Lớt | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 04' 12" | 104° 36' 13" | 19° 04' 46" | 104° 36' 51" | E-48-18-C |
| Phu Mat | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 18° 58' 59" | 104° 30' 36" | | | | | E-48-30-A |
| Suối Mặt | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 18° 59' 45" | 104° 39' 34" | 19° 00' 42" | 104° 38' 57" | E-48-18-C |
| Làng Mỏ | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 09' 19" | 104° 41' 41" | | | | | E-48-18-C |
| Núi Mọi | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 13' 40" | 104° 39' 57" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Mọi | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 12' 06" | 104° 41' 12" | 19° 12' 17" | 104° 39' 58" | E-48-18-C |
| Suối Mới | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 03' 44" | 104° 30' 31" | 19° 03' 37" | 104° 32' 05" | E-48-18-C |
| núi Mụ Nâu | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 06' 32" | 104° 41' 48" | | | | | E-48-18-C |
| suối Nậm Xóm | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 02' 12" | 104° 24' 22" | 19° 04' 08" | 104° 29' 23" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Làng Nhùng | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 09' 04" | 104° 41' 02" | | | | | E-48-18-C |
| núi Ô Lát | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 05' 55" | 104° 27' 49" | | | | | E-48-18-C |
| núi Phả Lai | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 11' 26" | 104° 38' 36" | | | | | E-48-18-C |
| bản Sơn Hà | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 09' 37" | 104° 40' 18" | | | | | E-48-18-C |
| bản Tam Bông | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 10' 21" | 104° 38' 32" | | | | | E-48-18-C |
| suối Tam Bông | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 07' 44" | 104° 35' 14" | 19° 10' 38" | 104° 39' 47" | E-48-18-C |
| bản Tam Hương | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 10' 37" | 104° 40' 06" | | | | | E-48-18-C |
| bản Tam Liên | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 08' 59" | 104° 41' 55" | | | | | E-48-18-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Tân Hương | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 06' 13" | 104° 40' 56" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Thơi | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 04' 08" | 104° 29' 23" | 19° 03' 52" | 104° 29' 57" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Tùng Hương | DC | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 05' 24" | 104° 39' 52" | | | | | E-48-18-C |
| dãy Trường Sơn | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 16° 28' 51" | 106° 54' 56" | | | | | E-48-17-D+29-B |
| Núi Van | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 01' 42" | 104° 30' 20" | | | | | E-48-18-C |
| Núi Xái | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 07' 38" | 104° 34' 44" | | | | | E-48-18-C |
| Nậm Xám | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 00' 29" | 104° 25' 31" | 19° 02' 56" | 104° 27' 39" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| núi Xam Nga | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 02' 27" | 104° 39' 59" | | | | | E-48-18-C |
| núi Xanh Liêm | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 01' 37" | 104° 33' 47" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Xen | TV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | | | 19° 03' 51" | 104° 36' 42" | 19° 04' 42" | 104° 37' 13" | E-48-18-C |
| núi Xo Le | SV | xã Tam Quang | H. Tương Dương | 19° 11' 22" | 104° 43' 22" | | | | | E-48-18-C |
| quốc lộ 7 | KX | xã Tam Thái | H. Tương Dương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-18-C |
| Bản Can | DC | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 13' 00" | 104° 31' 10" | | | | | E-48-18-C |
| bản Cánh Tráp | DC | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 13' 44" | 104° 32' 02" | | | | | E-48-18-C |
| suối Chà Lạp | TV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | | | 19° 10' 50" | 104° 27' 40" | 19° 12' 41" | 104° 30' 51" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Đoọc Búa | DC | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 13' 00" | 104° 30' 01" | | | | | E-48-18-C |
| Núi Hôm | SV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 12' 27" | 104° 32' 13" | | | | | E-48-18-C |
| núi Kèm Púc | SV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 09' 49" | 104° 28' 51" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| Khe Khảo | TV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | | | 19° 10' 13" | 104° 30' 01" | 19° 14' 05" | 104° 32' 05" | E-48-18-C |
| Bản Khổi | DC | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 13' 13" | 104° 29' 18" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Sông Lam | TV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-18-C |
| Khe Lặng | TV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | | | 19° 12' 29" | 104° 34' 23" | 19° 13' 30" | 104° 34' 36" | E-48-18-C |
| Bản Lũng | DC | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 13' 31" | 104° 31' 21" | | | | | E-48-18-C |
| Khe Mặp | TV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | | | 19° 08' 55" | 104° 31' 25" | 19° 12' 36" | 104° 31' 08" | E-48-18-C |
| bản Na Tổng | DC | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 13' 19" | 104° 31' 54" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Quyên | TV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | | | 19° 10' 42" | 104° 33' 00" | 19° 13' 36" | 104° 32' 36" | E-48-18-C |
| bản Tân Hợp | DC | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 14' 11" | 104° 31' 43" | | | | | E-48-18-C |
| Khe Vai | TV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | | | 19° 15' 36" | 104° 33' 44" | 19° 13' 40" | 104° 33' 48" | E-48-18-C |
| Khe Xiết | TV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | | | 19° 11' 43" | 104° 34' 42" | 19° 12' 06" | 104° 33' 40" | E-48-18-C |
| bản Xoóng Con | DC | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 12' 29" | 104° 28' 37" | | | | | E-48-17-D, E-48-29-B |
| núi Xoỏng Lây | SV | xã Tam Thái | H. Tương Dương | 19° 17' 58" | 104° 31' 44" | | | | | E-48-18-A |
| quốc lộ 7 | KX | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-17-B |
| Núi Cá | SV | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 17' 10" | 104° 28' 34" | | | | | E-48-17-B |
| Núi Can | SV | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 01' 59" | 104° 46' 11" | | | | | E-48-18-D |
| bản Cây Me | DC | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 14' 24" | 104° 30' 48" | | | | | E-48-18-C |
| suối Cây Me | TV | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | | | 19° 16' 04" | 104° 31' 42" | 19° 14' 41" | 104° 30' 44" | E-48-18-C, E-48-18-A |
| Bản Chắn | DC | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 15' 43" | 104° 28' 43" | | | | | E-48-17-B |
| bản Khe Chi | DC | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 15' 10" | 104° 29' 13" | | | | | E-48-17-B |
| Sông Lam | TV | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-17-B |
| Bản Lau | DC | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 15' 17" | 104° 29' 47" | | | | | E-48-17-B |
| Bản Mác | DC | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 15' 43" | 104° 29' 43" | | | | | E-48-17-B |
| Suối Mác | TV | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | | | 19° 17' 50" | 104° 28' 15" | 19° 15' 42" | 104° 29' 41" | E-48-17-B |
| Bản Mon | DC | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 16' 23" | 104° 27' 12" | | | | | E-48-17-B |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Bản Nhẫn | DC | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 14' 51" | 104° 30' 23" | | | | | E-48-18-C |
| Bản Phòng | DC | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 15' 26" | 104° 28' 22" | | | | | E-48-17-B |
| núi Sám Súm | SV | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 16' 09" | 104° 31' 15" | | | | | E-48-18-A |
| núi Son Lệch | SV | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 18' 05" | 104° 30' 43" | | | | | E-48-18-A |
| bản Thạch Dương | DC | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 17' 00" | 104° 26' 23" | | | | | E-48-17-B |
| xóm Thạch Hòa | DC | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 15' 41" | 104° 29' 32" | | | | | E-48-17-B |
| núi Xoỏng Lây | SV | xã Thạch Giám | H. Tương Dương | 19° 17' 58" | 104° 31' 44" | | | | | E-48-18-A |
| quốc lộ 7 | KX | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-17-B |
| Bản Ang | DC | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | 19° 15' 24" | 104° 24' 04" | | | | | E-48-17-B |
| Khe Ang | TV | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | | | 19° 09' 42" | 104° 21' 54" | 19° 15' 26" | 104° 23' 59" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Cửa Rào 1 | DC | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | 19° 17' 25" | 104° 25' 31" | | | | | E-48-17-B |
| bản Cửa Rào 2 | DC | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | 19° 17' 09" | 104° 25' 52" | | | | | E-48-17-B |
| Khe Dài | TV | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | | | 19° 18' 47" | 104° 26' 57" | 19° 17' 20" | 104° 25' 24" | E-48-17-B |
| Khe Hối | TV | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | | | 19° 15' 05" | 104° 22' 53" | 19° 15' 32" | 104° 23' 25" | E-48-17-B |
| bản Hợp Thành | DC | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | 19° 14' 57" | 104° 25' 50" | | | | | E-48-17-B |
| Khe Kăm | TV | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | | | 19° 11' 01" | 104° 23' 56" | 19° 13' 55" | 104° 23' 40" | E-48-17-D, E-48-29-B |
| bản Khe Ngậu | DC | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | 19° 16' 46" | 104° 24' 50" | | | | | E-48-17-B |
| cầu Khe Ngậu | KX | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | 19° 16' 47" | 104° 24' 58" | | | | | E-48-17-B |
| Sông Lam | TV | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-17-B |
| Bản Lở | DC | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | 19° 16' 12" | 104° 24' 28" | | | | | E-48-17-B |
| bản Na Bè | DC | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | 19° 14' 42" | 104° 25' 49" | | | | | E-48-17-B |
| sông Nậm Mộ | TV | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | | | 19° 18' 07" | 103° 52' 56" | 19° 17' 11" | 104° 25' 36" | E-48-17-B |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Khe Ngâu | TV | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | | | 19° 18' 24" | 104° 21' 55" | 19° 16' 47" | 104° 24' 56" | E-48-17-B |
| bản Xiêng Hương | DC | xã Xá Lượng | H. Tương Dương | 19° 17' 34" | 104° 25' 00" | | | | | E-48-17-B |
| quốc lộ 48C | KX | xã Xiêng My | H. Tương Dương | | | 19° 08' 56" | 104° 41' 13" | 19° 21' 39" | 105° 16' 45" | E-48-18-A, E-48-18-B |
| Suối Chà | TV | xã Xiêng My | H. Tương Dương | | | 19° 15' 48" | 104° 53' 34" | 19° 17' 12" | 104° 44' 35" | E-48-18-B |
| bản Chà Hìa | DC | xã Xiêng My | H. Tương Dương | 19° 14' 11" | 104° 48' 52" | | | | | E-48-18-B |
| núi Chà Lôm | SV | xã Xiêng My | H. Tương Dương | 19° 12' 33" | 104° 46' 00" | | | | | E-48-18-D |
| Bản Chon | DC | xã Xiêng My | H. Tương Dương | 19° 16' 01" | 104° 48' 27" | | | | | E-48-18-B |
| Suối Chon | TV | xã Xiêng My | H. Tương Dương | | | 19° 13' 55" | 104° 54' 31" | 19° 13' 13" | 104° 42' 10" | E-48-18-D |
| bản Đình Tài | DC | xã Xiêng My | H. Tương Dương | 19° 14' 49" | 104° 46' 00" | | | | | E-48-18-B |
| Suối Hạng | TV | xã Xiêng My | H. Tương Dương | | | 19° 18' 25" | 104° 52' 52" | 19° 15' 47" | 104° 49' 54" | E-48-18-B |
| Núi Huột | SV | xã Xiêng My | H. Tương Dương | 19° 14' 44" | 104° 51' 44" | | | | | E-48-18-D |
| núi Kha Côn | SV | xã Xiêng My | H. Tương Dương | 19° 12' 28" | 104° 47' 43" | | | | | E-48-18-D |
| bản Khe Quỳnh | DC | xã Xiêng My | H. Tương Dương | 19° 15' 25" | 104° 51' 41" | | | | | E-48-18-B |
| Suối Kốc | TV | xã Xiêng My | H. Tương Dương | | | 19° 12' 47" | 104° 45' 03" | 19° 13' 13" | 104° 42' 10" | E-48-18-C, E-48-18-D |
| bản Noóng Mò | DC | xã Xiêng My | H. Tương Dương | 19° 15' 59" | 104° 49' 55" | | | | | E-48-18-B |
| Bản Phảy | DC | xã Xiêng My | H. Tương Dương | 19° 14' 15" | 104° 47' 26" | | | | | E-48-18-B |
| bản Piêng Ồ | DC | xã Xiêng My | H. Tương Dương | 19° 15' 47" | 104° 50' 10" | | | | | E-48-18-B |
| quốc lộ 48C | KX | xã Yên Hoà | H. Tương Dương | | | 19° 08' 56" | 104° 41' 13" | 19° 21' 39" | 105° 16' 45" | E-48-18-A |
| núi Cà Mau | SV | xã Yên Hoà | H. Tương Dương | 19° 17' 44" | 104° 42' 53" | | | | | E-48-18-A |
| bản Cành Khỉn | DC | xã Yên Hoà | H. Tương Dương | 19° 17' 13" | 104° 40' 21" | | | | | E-48-18-A |
| nặm Chà Hạ | TV | xã Yên Hoà | H. Tương Dương | | | 19° 17' 47" | 104° 37' 33" | 19° 17' 27" | 104° 38' 59" | E-48-18-A |
| suối Chang Trong | TV | xã Yên Hoà | H. Tương Dương | | | 19° 24' 15" | 104° 46' 05" | 19° 24' 20" | 104° 42' 17" | E-48-18-A |
| Khe Cháo | TV | xã Yên Hoà | H. Tương Dương | | | 19° 21' 32" | 104° 44' 23" | 19° 17' 09" | 104° 41' 03" | E-48-18-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| Bản Coọc | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 17' 23" | 104° 39' 42" | | | | | E-48-18-A |
| bản Đình Yên | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 16' 54" | 104° 42' 18" | | | | | E-48-18-A |
| Bản Hào | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 17' 41" | 104° 37' 57" | | | | | E-48-18-A |
| Suối Kịt | TV | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | | | 19° 20' 17" | 104° 45' 31" | 19° 17' 07" | 104° 42' 54" | E-48-18-A |
| Khe Líp | TV | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | | | 19° 20' 37" | 104° 38' 55" | 19° 17' 27" | 104° 38' 59" | E-48-18-A |
| Nặm Ngân | TV | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | | | 19° 17' 12" | 104° 44' 35" | 19° 17' 17" | 104° 39' 35" | E-48-18-A |
| Suối Ngậu | TV | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | | | 19° 20' 27" | 104° 42' 38" | 19° 17' 09" | 104° 40' 22" | E-48-18-A |
| Bản Ngọn | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 17' 05" | 104° 39' 14" | | | | | E-48-18-A |
| Suối Nguyên | TV | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | | | 19° 15' 31" | 104° 39' 49" | 19° 12' 42" | 104° 38' 30" | E-48-18-A |
| bản Văng Môn | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 17' 02" | 104° 41' 11" | | | | | E-48-18-A |
| núi Xa Man | SV | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 19' 34" | 104° 42' 25" | | | | | E-48-18-A |
| núi Xa Mau | SV | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 21' 33" | 104° 41' 03" | | | | | E-48-18-A |
| bản Xiềng Líp | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 17' 32" | 104° 38' 46" | | | | | E-48-18-A |
| bản Xốp Chạng | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 16' 55" | 104° 43' 57" | | | | | E-48-18-A |
| bản Xốp Cháo | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 17' 15" | 104° 41' 04" | | | | | E-48-18-A |
| bản Xốp Kha | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 18' 58" | 104° 39' 24" | | | | | E-48-18-A |
| bản Xốp Kịt | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 17' 06" | 104° 42' 58" | | | | | E-48-18-A |
| bản Yên Hương | DC | xã Yên Hòa | H. Tương Dương | 19° 18' 07" | 104° 42' 05" | | | | | E-48-18-A |
| Bản Bón | DC | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 18' 13" | 104° 36' 04" | | | | | E-48-18-A |
| nặm Chà Hạ | TV | xã Yên Na | H. Tương Dương | | | 19° 19' 58" | 104° 35' 30" | 19° 17' 48" | 104° 37' 29" | E-48-18-A |
| bản Có Phảo | DC | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 19' 55" | 104° 28' 55" | | | | | E-48-17-B |
| bản Huổi Cụt | DC | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 19' 25" | 104° 32' 59" | | | | | E-48-18-A |
| bản Huổi Xén | DC | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 19' 40" | 104° 30' 56" | | | | | E-48-18-A |
| Sông Lam | TV | xã Yên Na | H. Tương Dương | | | 19° 26' 44" | 104° 35' 28" | 18° 45' 52" | 105° 45' 45" | E-48-17-B |
| Núi Mai | SV | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 17' 01" | 104° 35' 52" | | | | | E-48-18-A |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Na Khốm | DC | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 19' 36" | 104° 30' 27" | | | | | E-48-18-A |
| bản Na Pu | DC | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 17' 55" | 104° 37' 07" | | | | | E-48-18-A |
| Nậm Noi | TV | xã Yên Na | H. Tương Dương | | | 19° 19' 10" | 104° 33' 08" | 19° 18' 28" | 104° 35' 18" | E-48-18-A |
| núi Phá Cờ | SV | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 21' 57" | 104° 35' 23" | | | | | E-48-18-A |
| Suối Pón | TV | xã Yên Na | H. Tương Dương | | | 19° 22' 05" | 104° 35' 08" | 19° 24' 18" | 104° 32' 50" | E-48-18-A |
| Suối Pủng | TV | xã Yên Na | H. Tương Dương | | | 19° 21' 34" | 104° 34' 04" | 19° 24' 18" | 104° 32' 50" | E-48-18-A |
| núi Rô Bô | SV | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 21' 08" | 104° 31' 17" | | | | | E-48-18-A |
| núi Son Lệch | SV | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 18' 05" | 104° 30' 43" | | | | | E-48-18-A |
| Bản Vẽ | DC | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 20' 42" | 104° 28' 13" | | | | | E-48-17-B |
| bản Xiềng Nứa | DC | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 18' 47" | 104° 35' 19" | | | | | E-48-18-A |
| bản Xốp Pu | DC | xã Yên Na | H. Tương Dương | 19° 19' 03" | 104° 33' 39" | | | | | E-48-18-A |
| quốc lộ 48C | KX | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | | | 19° 08' 56" | 104° 41' 13" | 19° 21' 39" | 105° 16' 45" | E-48-18-C |
| bản Cành Tạng | DC | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 14' 55" | 104° 38' 22" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Chon | TV | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | | | 19° 13' 55" | 104° 54' 31" | 19° 13' 13" | 104° 42' 10" | E-48-18-D |
| Suối Cốc | TV | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | | | 19°12’26” | 104°45’04” | 19° 13' 13" | 104° 42' 10" | E-48-18-A |
| Bản Lườm | DC | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 14' 18" | 104° 39' 36" | | | | | E-48-18-C |
| Núi Mọi | SV | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 13' 40" | 104° 39' 57" | | | | | E-48-18-C |
| Suối Nguyên | TV | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | | | 19° 15' 31" | 104° 39' 49" | 19° 12' 42" | 104° 38' 30" | E-48-18-A |
| Núi Phá | SV | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 15' 41" | 104° 44' 50" | | | | | E-48-18-A |
| Bản Pủng | DC | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 13' 26" | 104° 39' 02" | | | | | E-48-18-C |
| Bản Tạt | DC | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 13' 36" | 104° 42' 37" | | | | | E-48-18-C |
| bản Trung Thắng | DC | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 14' 58" | 104° 39' 53" | | | | | E-48-18-C |
| bản Văng Lin | DC | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 14' 25" | 104° 40' 40" | | | | | E-48-18-C |
| Núi Vi | SV | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 13' 59" | 104° 37' 46" | | | | | E-48-18-C |
| bản Xốp Cốc | DC | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 13' 10" | 104° 42' 19" | | | | | E-48-18-C |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| bản Xốp Khấu | DC | xã Yên Thắng | H. Tương Dương | 19° 16' 21" | 104° 38' 54" | | | | | E-48-18-A |
| bản Cành Toong | DC | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 20' 50" | 104° 36' 56" | | | | | E-48-18-A |
| bản Cạp Chạng | DC | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 21' 46" | 104° 37' 45" | | | | | E-48-18-A |
| nặm Chà Hạ | TV | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | | | 19°23’59” | 104°42’36” | 19° 17' 48" | 104° 37' 29" | E-48-18-A |
| bản Chà Lúm | DC | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 24' 11" | 104° 42' 16" | | | | | E-48-18-A |
| Suối Chăm | TV | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | | | 19° 26' 11" | 104° 43' 19" | 19° 24' 20" | 104° 42' 17" | E-48-18-B |
| suối Chang Trong | TV | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | | | 19° 24' 15" | 104° 46' 05" | 19° 24' 20" | 104° 42' 17" | E-48-18-A |
| Bản Hạt | DC | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 22' 20" | 104° 38' 23" | | | | | E-48-18-A |
| bản Huổi Pai | DC | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 23' 18" | 104° 41' 31" | | | | | E-48-18-A |
| Khe Lạp | TV | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | | | 19° 26' 16" | 104° 45' 19" | 19° 24' 45" | 104° 44' 20" | E-48-18-B |
| Núi Mai | SV | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 26' 15" | 104° 40' 37" | | | | | E-48-18-A |
| bản Na Cáng | DC | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 24' 34" | 104° 43' 27" | | | | | E-48-18-A |
| bản Pả Khốm | DC | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 23' 09" | 104° 40' 25" | | | | | E-48-18-A |
| bản Pa Tý | DC | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 20' 57" | 104° 36' 22" | | | | | E-48-18-A |
| núi Phá Cờ | SV | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 21' 57" | 104° 35' 23" | | | | | E-48-18-A |
| bản Văng Cuộm | DC | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 20' 07" | 104° 34' 59" | | | | | E-48-18-A |
| núi Xa Mau | SV | xã Yên Tĩnh | H. Tương Dương | 19° 21' 33" | 104° 41' 03" | | | | | E-48-18-A |
| khối 3 | DC | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 58" | 105° 27' 55" | | | | | E-48-19-D-d |
| đường tỉnh 534 | KX | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | | | 18° 47' 55" | 105° 43' 41" | 18° 59' 59" | 105° 28' 38" | E-48-31-B-b, |
| đường tỉnh 538 | KX | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-31-B-b, E-48-19-D-d |
| xóm Bắc Phú | DC | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 14" | 105° 28' 50" | | | | | E-48-19-D-d |
| Cầu Dinh | KX | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 02" | 105° 28' 49" | | | | | E-48-19-D-d |
| kênh Nông Giang | TV | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | | | 18° 58' 04" | 105° 25' 59" | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | E-48-31-B-b, E-48-19-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| khối Phúc Hậu | DC | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 58" | 105° 27' 55" | | | | | E-48-19-D-d |
| khối Phúc Tân | DC | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 46" | 105° 27' 45" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Phúc Thọ | DC | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 57" | 105° 27' 46" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Phúc Trung | DC | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 59" | 105° 27' 36" | | | | | E-48-19-D-d |
| khối Trung Dinh | DC | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 00" | 105° 28' 38" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Trung Phú | DC | TT. Yên Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 08" | 105° 28' 57" | | | | | E-48-19-D-d |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-19-D-d |
| xóm Bắc Sơn 1 | DC | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 10" | 105° 26' 37" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Bắc Sơn 2 | DC | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 00" | 105° 26' 35" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Chọ Bùi | DC | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 27" | 105° 25' 25" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Cồn Găng | SV | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 35" | 105° 25' 33" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Động Chùa | SV | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 59" | 105° 25' 58" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Động Làng Nồi | SV | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 28" | 105° 25' 57" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Khe Gạo | DC | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 45" | 105° 24' 18" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Làng Nồi | DC | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 21" | 105° 26' 01" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Lê Hồng Phong | DC | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 06" | 105° 26' 12" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh Nông Giang | TV | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | | | 18° 58' 04" | 105° 25' 59" | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | E-48-31-B-b |
| xóm Phạm Hồng Thái | DC | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 09" | 105° 26' 24" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Trại Xanh | DC | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 59" | 105° 25' 40" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Trần Phú | DC | xã Bắc Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 08" | 105° 26' 35" | | | | | E-48-31-B-b |
| quốc lộ 7 | KX | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-b |
| đường tỉnh 534 | KX | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | | | 18° 47' 55" | 105° 43' 41" | 18° 59' 59" | 105° 28' 38" | E-48-31-B-b |
| xóm 10 Đông | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 44" | 105° 28' 41" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 10 Tây | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 34" | 105° 28' 24" | | | | | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Bắc Sơn | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 54" | 105° 28' 30" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Bắc Thịnh | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 25" | 105° 28' 14" | | | | | E-48-31-B-b |
| nhà thờ Bảo Nham | KX | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 55" | 105° 28' 22" | | | | | E-48-31-B-b |
| Chợ Bộng | KX | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 37" | 105° 28' 37" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Cựa Truồng | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 09" | 105° 27' 58" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đồng Mỹ | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 09" | 105° 28' 02" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đồng Mỹ | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 15" | 105° 28' 02" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đông Sơn | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 45" | 105° 28' 32" | | | | | E-48-31-B-b |
| Suối Hạc | TV | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | | | 18° 53' 36" | 105° 27' 59" | 18° 55' 23" | 105° 27' 33" | E-48-31-B-b |
| núi Hòn Ngang | SV | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 45" | 105° 28' 23" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Hòn Vung | SV | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 29" | 105° 27' 20" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh Khe Cát | TV | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | | | 18° 55' 34" | 105° 27' 40" | 18° 57' 17" | 105° 28' 55" | E-48-31-B-b |
| xóm Khe Hạc | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 47" | 105° 28' 03" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Làng Cũ | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 12" | 105° 27' 42" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh N201 | TV | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 26" | 105° 25' 04" | 18° 57' 40" | 105° 36' 17" | E-48-20-C-a |
| Xóm Quánh | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 44" | 105° 28' 13" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Tây Sơn | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 53" | 105° 28' 24" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Yên Vinh | DC | xã Bảo Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 34" | 105° 28' 24" | | | | | E-48-31-B-b |
| quốc lộ 7 | KX | xã Công Thành | H. Yên Thành | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-b |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Công Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-31-B-b |
| xóm Bùi Bùi | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 44" | 105° 26' 32" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Cao Sơn | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 11" | 105° 27' 06" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Cồn Chuối | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 32" | 105° 27' 31" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Công Luận | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 49" | 105° 26' 00" | | | | | E-48-31-B-b |
| sông Đào Đạo Lý | TV | xã Công Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 12" | 105° 24' 18" | 18° 55' 36" | 105° 27' 37" | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Đông Châu | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 03" | 105° 26' 48" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đồng Hiền | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 43" | 105° 26' 42" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đồng Muông | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 39" | 105° 26' 25" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đồng Rào | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 03" | 105° 25' 57" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đông Sơn | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 56" | 105° 27' 09" | | | | | E-48-31-B-b |
| Suối Hạc | TV | xã Công Thành | H. Yên Thành | | | 18° 53' 36" | 105° 27' 59" | 18° 55' 23" | 105° 27' 33" | E-48-31-B-b |
| xóm Hồng Sơn | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 57" | 105° 26' 57" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Long Tiến | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 25" | 105° 25' 38" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh N201 | TV | xã Công Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 26" | 105° 25' 04" | 18° 57' 40" | 105° 36' 17" | E-48-20-C-a |
| xóm Nam Châu | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 33" | 105° 24' 51" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Ngã Tư | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 24" | 105° 26' 18" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Ngọc Hạ | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 19" | 105° 26' 18" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Ngọc Sơn | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 24" | 105° 26' 36" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Ngọc Thượng | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 16" | 105° 26' 31" | | | | | E-48-31-B-b |
| Xóm Rú | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 49" | 105° 25' 26" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Sơn Long | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 55" | 105° 24' 41" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Sơn Long | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 105° 26' 08" | 105° 26' 08" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Tân Long | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 23" | 105° 26' 12" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Thái Sơn | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 00" | 105° 26' 48" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Trung Sơn | DC | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 48" | 105° 26' 59" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Tu Líp | SV | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 35" | 105° 27' 10" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Tù Và | SV | xã Công Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 53" | 105° 26' 22" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 1 | DC | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 24" | 105° 23' 01" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 2 | DC | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 32" | 105° 23' 04" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 3 | DC | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 49" | 105° 23' 26" | | | | | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 4 | DC | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 56" | 105° 23' 41" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 5 | DC | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 16" | 105° 22' 57" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 6 | DC | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 58" | 105° 22' 46" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 7 | DC | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 13" | 105° 22' 14" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Tân Thành | DC | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 56" | 105° 22' 12" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Thuận Lạc | DC | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 16" | 105° 22' 57" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Tù Và | SV | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 53" | 105° 26' 22" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Tuy Nen | DC | xã Đại Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 31" | 105° 22' 21" | | | | | E-48-31-B-a |
| kênh Vếch Bắc | TV | xã Đại Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-31-B-a, E-48-31-B-b |
| xóm Bắc Vực | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 28" | 105° 33' 54" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Dạ Sơn | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 18" | 105° 32' 47" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đông Thị | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 46" | 105° 34' 10" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Gia Mỹ | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 49" | 105° 33' 22" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Hạc Linh | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 20" | 105° 34' 18" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Hoàng Lồ | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 25" | 105° 33' 16" | | | | | E-48-20-C-c |
| núi Hòn Rồng | SV | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 02" | 105° 33' 39" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Kim Chi | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 53" | 105° 33' 58" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Nam Vực | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 13" | 105° 33' 52" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Ngọc Sơn | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 37" | 105° 33' 44" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Phú Vinh | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 17" | 105° 34' 04" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Phú Xuân | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 33" | 105° 34' 09" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Sung Yên | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 43" | 105° 34' 22" | | | | | E-48-20-C-c |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Đô Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-20-C-c |
| xóm Xuân Lai | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 58" | 105° 33' 29" | | | | | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Yên Hội | DC | xã Đô Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 15" | 105° 34' 21" | | | | | E-48-20-C-c |
| dãy Ba Khe | SV | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | | | 19°0' 16" | 105°20' 47" | 19° 02' 01" | 105°22' 37" | E-48-19-D-c, E-48-19-D-d |
| núi Chấn Thủy | SV | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 27" | 105° 21' 44" | | | | | E-48-19-D-c |
| Hòn Dài | SV | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 46" | 105° 24' 59" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Hoa | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 37" | 105° 24' 41" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Long | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 40" | 105° 25' 28" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Nhân | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 35" | 105° 25' 17" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Phú | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 11" | 105° 24' 49" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Phúc | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 51" | 105° 25' 45" | | | | | E-48-19-D-d |
| núi Động Quách | SV | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 04" | 105° 22' 59" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Đồng Trổ | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 05" | 105° 24' 19" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Trung | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 40" | 105° 23' 12" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Xuân | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 49" | 105° 24' 39" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Hồng Kỳ | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 18" | 105° 25' 12" | | | | | E-48-19-D-d |
| núi Lèn Cò | SV | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 05" | 105° 24' 13" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Nam Viên | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 40" | 105° 26' 07" | | | | | E-48-19-D-d |
| hồ Quản Hài | TV | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 33" | 105° 25' 55" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Trần Phú | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 55" | 105° 25' 08" | | | | | E-48-19-D-d |
| Suối Vàu | TV | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | | | 19°1' 34" | 105° 24' 20" | 19° 00' 31" | 105°28' 46" | E-48-19-D-d |
| đập Vệ Vừng | TV | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 39" | 105° 24' 02" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Vũ Kỳ | DC | xã Đồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 21" | 105° 25' 30" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Bắc Lĩnh | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 55" | 105° 32' 12" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Bắc Sơn | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 35" | 105° 32' 11" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Canh Sơn | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 58" | 105° 31' 23" | | | | | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Châu Lĩnh | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 59" | 105° 32' 06" | | | | | E-48-20-C-c |
| núi Chùa Đen | SV | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 13" | 105° 33' 31" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Dẫu Sơn | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 09" | 105° 31' 41" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đức Liên | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 35" | 105° 33' 23" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đức Quảng | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 40" | 105° 32' 50" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Hồng Lĩnh | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 38" | 105° 33' 07" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Hồng Sơn | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 34" | 105° 32' 58" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Lĩnh Sơn | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 09" | 105° 32' 04" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Nam Lĩnh | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 42" | 105° 32' 11" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Phúc Thọ | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 12" | 105° 31' 27" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Phúc Trường | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 02" | 105° 32' 09" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Quyết Thắng | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 40" | 105° 32' 12" | | | | | E-48-20-C-c |
| Sông Sanh | TV | xã Đức Thành | H. Yên Thành | | | 19° 07' 19" | 105° 30' 57" | 19° 03' 54" | 105° 31' 29" | E-48-20-C-c |
| xóm Tây Canh | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 36" | 105° 31' 19" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Thọ Bằng | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 49" | 105° 31' 59" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Trung Nam | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 25" | 105° 32' 09" | | | | | E-48-20-C-c |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Đức Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-20-C-c |
| xóm Yên Định | DC | xã Đức Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 21" | 105° 32' 12" | | | | | E-48-20-C-c |
| đập Bàu Ganh | TV | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 54" | 105° 28' 01" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Cầu Thượng | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 09" | 105° 28' 34" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Chợ Mõ | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 35" | 105° 28' 29" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đông Phú | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 27" | 105° 28' 48" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đông Sơn | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 10" | 105° 28' 35" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Phú Thọ | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 43" | 105° 28' 58" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Tân Sơn | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 43" | 105° 28' 12" | | | | | E-48-19-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Thọ Trà | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 47" | 105° 28' 18" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Thượng Thọ | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 29" | 105° 28' 37" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Trần Phú | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 19" | 105° 28' 23" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Trung Nam | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 21" | 105° 28' 42" | | | | | E-48-19-D-d |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-19-D-d |
| xóm Yên Thịnh | DC | xã Hậu Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 49" | 105° 29' 10" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 3 | DC | xã Hoa Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 07" | 105° 29' 27" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 4 | DC | xã Hoa Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 02" | 105° 29' 21" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 6 | DC | xã Hoa Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 40" | 105° 29' 04" | | | | | E-48-19-D-d |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Hoa Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-19-D-d, E-48-31-B-b |
| xóm Chu Trạc | DC | xã Hoa Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 20" | 105° 29' 24" | | | | | E-48-19-D-d |
| kênh Nông Giang | TV | xã Hoa Thành | H. Yên Thành | | | 18° 58' 04" | 105° 25' 59" | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | E-48-19-D-d |
| xóm Phan Đăng Lưu | DC | xã Hoa Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 58" | 105° 29' 31" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Phan Đình Phùng | DC | xã Hoa Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 11" | 105° 29' 41" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Tân Quang | DC | xã Hoa Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 19" | 105° 29' 51" | | | | | E-48-19-D-d |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Hoa Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-19-D-d |
| xóm Bắc Xuân | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 16" | 105° 31' 07" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đa Cảnh | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 44" | 105° 31' 02" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đông Ngô | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 19" | 105° 32' 09" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đông Xuân | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 03" | 105° 31' 08" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Nam Xuân | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 07" | 105° 31' 02" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Phú Đa | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 42" | 105° 30' 53" | | | | | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Tân Xuân | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 32" | 105° 31' 23" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tây Xuân | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 15" | 105° 31' 01" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Thiện Lợi | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 34" | 105° 30' 29" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Thiện Tiến | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 30" | 105° 30' 46" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Triều Cảnh | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 50" | 105° 31' 06" | | | | | E-48-20-C-c |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-20-C-c |
| xóm Xuân An | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 35" | 105° 31' 51" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Xuân Yên | DC | xã Hồng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 07" | 105° 31' 58" | | | | | E-48-20-C-c |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-19-D-d, E-48-20-C-c |
| Xóm Chùa | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 20" | 105° 30' 13" | | | | | E-48-20-C-c |
| Xóm Đình | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 44" | 105° 30' 27" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đình Phụng | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 21" | 105° 30' 22" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đông An | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 12" | 105° 30' 57" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đông Tiến | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 44" | 105° 30' 27" | | | | | E-48-20-C-c |
| Sông Hói | TV | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | | | 19° 01' 08" | 105° 30' 16" | 18° 58' 28" | 105° 31' 24" | E-48-20-C-c, E-48-32-A-a |
| xóm Hưng Lập | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 15" | 105° 30' 18" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Làng Phan | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 49" | 105° 30' 13" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Lý Nhân | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 24" | 105° 30' 14" | | | | | E-48-20-C-c |
| Xóm Mới | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 49" | 105° 30' 03" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Vĩnh Hòa | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 35" | 105° 30' 50" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Xuân thượng | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 00" | 105° 30' 07" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Xuân Tiêu | DC | xã Hợp Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 42" | 105° 30' 18" | | | | | E-48-20-C-c |
| hồ Đồn Húng | TV | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 12" | 105° 26' 55" | | | | | E-48-19-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Đồng Trạch | DC | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 41" | 105° 27' 16" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Giai Thành | DC | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 09" | 105° 27' 47" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Hồng Lĩnh | DC | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 22" | 105° 27' 26" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Khe Răm | DC | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 15" | 105° 26' 21" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Kim Thành | DC | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 10" | 105° 26' 17" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Lạc Thành | DC | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 49" | 105° 27' 43" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Ngọc Thành | DC | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 42" | 105° 26' 52" | | | | | E-48-19-D-d |
| đập Quản Hài | TV | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 37" | 105° 26' 17" | | | | | E-48-19-D-d |
| hồ Quản Hài | TV | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 33" | 105° 25' 55" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Sơn Thành | DC | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 18" | 105° 26' 02" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Tân Thành | DC | xã Hùng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 46" | 105° 27' 14" | | | | | E-48-19-D-d |
| quốc lộ 7 | KX | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-b |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-31-B-b |
| sông Đào Đạo Lý | TV | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 12" | 105° 24' 18" | 18° 55' 36" | 105° 27' 37" | E-48-31-B-b |
| xóm Đông Phú | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 10" | 105° 27' 40" | | | | | E-48-31-B-b |
| Suối Hạc | TV | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | | | 18° 53' 36" | 105° 27' 59" | 18° 55' 23" | 105° 27' 33" | E-48-31-B-b |
| xóm Khánh Hòa | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 55" | 105° 27' 07" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh Khe Cát | TV | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | | | 18° 55' 34" | 105° 27' 40" | 18° 57' 17" | 105° 28' 55" | E-48-31-B-b |
| xóm Phú An | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 17" | 105° 27' 20" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Phú Khánh | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 17" | 105° 27' 33" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Phú Tập | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 53" | 105° 28' 01" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Phú Văn | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 08" | 105° 27' 32" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Quan Trồng | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 12" | 105° 28' 00" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Quỳnh Khôi | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 02" | 105° 27' 22" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Tiên Khánh | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 03" | 105° 26' 56" | | | | | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Vân Đình | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 00" | 105° 27' 39" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Vân Đồng | DC | xã Khánh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 55" | 105° 27' 28" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đồng Bản | DC | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 44" | 105° 23' 32" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Luốc | DC | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 31" | 105° 24' 48" | | | | | E-48-19-D-d |
| núi Đồng Nhạn | SV | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 29" | 105° 23' 17" | | | | | E-48-19-D-d |
| núi Hòn Dài | SV | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 40" | 105° 24' 45" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Hồng Liên | DC | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 17" | 105° 23' 33" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Hợp Khánh | DC | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 46" | 105° 23' 47" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Ngọc Liên | DC | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 04" | 105° 23' 19" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Nhà Đụa | DC | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 37" | 105° 23' 59" | | | | | E-48-19-D-d |
| hồ Quản Hài | TV | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 33" | 105° 25' 55" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Sao Vàng | DC | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 34" | 105° 24' 06" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Trại Mắt | DC | xã Kim Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 57" | 105° 24' 11" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 3 | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 57" | 105° 29' 28" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 4 | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 02" | 105° 29' 36" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 5 | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 06" | 105° 29' 43" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 6 | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 04" | 105° 29' 52" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 7 | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 16" | 105° 30' 03" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 8 | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 35" | 105° 29' 59" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 9A | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 16" | 105° 30' 18" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 9B | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 31" | 105° 30' 24" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Cựa Truông | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 21" | 105° 28' 43" | | | | | E-48-19-D-d |
| Suối Dọc | TV | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | | | 19° 08' 52" | 105° 23' 17" | 19° 07' 37" | 105° 26' 45" | E-48-19-D-d, E-48-19-D-b |
| hồ Đồn Húng | TV | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 12" | 105° 26' 55" | | | | | E-48-19-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Động Cầu | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 00" | 105° 24' 53" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Hóc Nông | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 30" | 105° 28' 55" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Phú Sơn | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 59" | 105° 27' 38" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Tây Phú | DC | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 36" | 105° 27' 49" | | | | | E-48-19-D-d |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Lăng Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-19-D-d |
| xóm 2 | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 33" | 105° 26' 40" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 3 | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 22" | 105° 26' 38" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 4 | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 08" | 105° 27' 08" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 5 | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 12" | 105° 26' 27" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 6 | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 58" | 105° 25' 57" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 7 | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 56" | 105° 26' 36" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 8 | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 23" | 105° 25' 41" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 9 | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 37" | 105° 25' 39" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 10 | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 13" | 105° 25' 37" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 22 | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 06" | 105° 25' 10" | | | | | E-48-31-B-b |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Liên Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-31-B-b |
| xóm Bắc Phong | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 03" | 105° 25' 36" | | | | | E-48-31-B-b |
| sông Bàu Chèn | TV | xã Liên Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 42" | 105° 26' 41" | 18° 56' 22" | 105° 26' 07" | E-48-31-B-b |
| xóm Chùa Thàng | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 57" | 105° 26' 01" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Liên Giang | DC | xã Liên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 33" | 105° 26' 18" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh N201 | TV | xã Liên Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 26" | 105° 25' 04" | 18° 57' 40" | 105° 36' 17" | E-48-20-C-a |
| kênh Vếch Bắc | TV | xã Liên Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-31-B-b |
| sông Vũ Giang | TV | xã Liên Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 12" | 105° 24' 18" | 18° 55' 36" | 105° 27' 37" | E-48-31-B-b |
| đường tỉnh 534 | KX | xã Long Thành | H. Yên Thành | | | 18° 47' 55" | 105° 43' 41" | 18° 59' 59" | 105° 28' 38" | E-48-31-B-b |
| xóm Bắc Sơn | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 54" | 105° 28' 13" | | | | | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Bắc Yên | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 50" | 105° 28' 15" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đông Sơn | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 08" | 105° 28' 31" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đông Yên | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 42" | 105° 28' 20" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Giáp Bổn | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 58" | 105° 28' 32" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Giáp Ngói | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 59" | 105° 28' 26" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh N82A | TV | xã Long Thành | H. Yên Thành | | | 18° 55' 34" | 105° 27' 40" | 18° 57' 17" | 105° 28' 55" | E-48-31-B-b |
| xóm Nam Sơn | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 06" | 105° 28' 23" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Phan Thanh | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 30" | 105° 28' 12" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Phú Thọ | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 06" | 105° 29' 29" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Quang Trung | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 23" | 105° 28' 00" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Tây Yên | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 48" | 105° 27' 59" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Vạn Thành | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 20" | 105° 28' 58" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Văn Trai 6 | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 33" | 105° 28' 35" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Văn Trai 7 | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 31" | 105° 28' 55" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Văn Tràng | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 55" | 105° 28' 53" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Vạn Tràng | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 30" | 105° 29' 07" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Yên Mội | DC | xã Long Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 44" | 105° 29' 14" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 1 | DC | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 30" | 105° 24' 33" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 2 | DC | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 46" | 105° 24' 28" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 3 | DC | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 06" | 105° 24' 35" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 4 | DC | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 58" | 105° 24' 52" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 5 | DC | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 35" | 105° 25' 07" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 6 | DC | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 15" | 105° 25' 44" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 7 | DC | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 27" | 105° 25' 23" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 8 | DC | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 33" | 105° 25' 09" | | | | | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 9 | DC | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 38" | 105° 24' 19" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 10 | DC | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 58" | 105° 24' 29" | | | | | E-48-31-B-b |
| động Chùa Me | SV | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 40" | 105° 24' 25" | | | | | E-48-31-B-b |
| động Ổ Cuông | SV | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 27" | 105° 24' 14" | | | | | E-48-31-B-b |
| Suối Thai | TV | xã Lý Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 06" | 105° 26' 33" | 18° 56' 47" | 105° 25' 34" | E-48-31-B-b |
| động Truông Gió | SV | xã Lý Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 59" | 105° 23' 38" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Lý Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-31-B-b |
| Xóm Chùa | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 55" | 105° 31' 12" | | | | | E-48-20-C-c |
| đập Chùa Lụi | TV | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 24" | 105° 29' 30" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Chùa Sơn | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 25" | 105° 30' 56" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đá Dựng | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 47" | 105° 29' 51" | | | | | E-48-19-D-d |
| Xóm Đình | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 41" | 105° 30' 56" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đồng Bàu 1 | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 25" | 105° 29' 56" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đồng Bàu 2 | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 19" | 105° 29' 46" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Đức | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 46" | 105° 31' 16" | | | | | E-48-20-C-c |
| núi Động Mòng | SV | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 08" | 105° 30' 54" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đồng Nhân | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 13" | 105° 31' 04" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Hòn Nen | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 01" | 105° 30' 40" | | | | | E-48-20-C-c |
| núi Hòn Riềng | SV | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 50" | 105° 31' 04" | | | | | E-48-20-C-c |
| đập Khe Bai | TV | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 19" | 105° 30' 30" | | | | | E-48-20-C-c |
| Xóm Lũy | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 31" | 105° 30' 45" | | | | | E-48-20-C-c |
| Núi Nguộc | SV | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 18° 45' 01" | 105° 21' 24" | | | | | E-48-31-B-c |
| Sông Sanh | TV | xã Mã Thành | H. Yên Thành | | | 19° 07' 19" | 105° 30' 57" | 19° 03' 54" | 105° 31' 29" | E-48-20-C-c |
| xóm Thanh Đà | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 29" | 105° 30' 19" | | | | | E-48-20-C-c |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Mã Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Yên Thịnh | DC | xã Mã Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 14" | 105° 30' 07" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 1 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 49" | 105° 23' 17" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 2 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 00" | 105° 23' 17" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 3 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 17" | 105° 22' 13" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 4 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 39" | 105° 22' 01" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 5 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 54" | 105° 21' 44" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 6 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 42" | 105° 21' 27" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 7 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 04" | 105° 21' 22" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 8 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 40" | 105° 23' 15" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 9 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 46" | 105° 22' 34" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm 10 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 24" | 105° 23' 02" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 11 | DC | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 40" | 105° 20' 42" | | | | | E-48-31-B-a |
| núi Gốc Lim | SV | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 42" | 105° 21' 06" | | | | | E-48-31-B-a |
| đập Hố Cầu | TV | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 45" | 105° 22' 36" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Khe Dong | SV | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 23" | 105° 21' 23" | | | | | E-48-31-B-a |
| suối Khe Dong | TV | xã Minh Thành | H. Yên Thành | | | 18° 57' 54" | 105° 21' 24" | 18° 56' 27" | 105° 23' 17" | E-48-31-B-a |
| núi Kon Cai | SV | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 57" | 105° 21' 25" | | | | | E-48-31-B-a |
| núi Lèn Dan | SV | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 50" | 105° 23' 48" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Ngọc Giai | SV | xã Minh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 19" | 105° 23' 18" | | | | | E-48-31-B-b |
| Suối Thai | TV | xã Minh Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 56" | 105° 23' 52" | 18° 56' 47" | 105° 25' 34" | E-48-31-B-b |
| quốc lộ 7 | KX | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-b |
| làng Bắc Đình | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 20" | 105° 23' 49" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Bục Trại | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 03" | 105° 25' 05" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Cao Sơn | SV | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 14" | 105° 23' 05" | | | | | E-48-31-B-b |
| sông Đào Đạo Lý | TV | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 12" | 105° 24' 18" | 18° 55' 36" | 105° 27' 37" | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| làng Động Sơn | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 26" | 105° 25' 36" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Giáp Quán | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 43" | 105° 23' 54" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Hậu Mỹ | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 36" | 105° 24' 38" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Nam Đình | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 12" | 105° 24' 14" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Niên Hòa | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 15" | 105° 24' 51" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Phong Niên A | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 05" | 105° 23' 46" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Phong Niên B | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 47" | 105° 23' 23" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Quảng Đông 1/5 | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 13" | 105° 24' 07" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Quảng Đông 14B | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 24" | 105° 23' 53" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Tân Mỹ | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 49" | 105° 25' 31" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Tân Quảng | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 33" | 105° 24' 14" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Thánh Từ | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 32" | 105° 25' 02" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Thượng Lô | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 33" | 105° 24' 23" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Tiền Mỹ | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 28" | 105° 24' 46" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Trang Niên | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 00" | 105° 24' 29" | | | | | E-48-31-B-b |
| làng Trung Lô | DC | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 45" | 105° 24' 31" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Tù Và | SV | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 53" | 105° 26' 22" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Tùng Tạo | SV | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 50" | 105° 23' 32" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh Vếch Bắc | TV | xã Mỹ Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-31-B-b |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Nam Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-31-B-b |
| xóm Bội Châu | DC | xã Nam Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 31" | 105° 26' 25" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đăng Lưu | DC | xã Nam Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 18" | 105° 26' 25" | | | | | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Hợp Thành | DC | xã Nam Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 58" | 105° 24' 46" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Lâm Thành | DC | xã Nam Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 41" | 105° 27' 20" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Lên Cờ | SV | xã Nam Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 30" | 105° 25' 39" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Lộc Thành | DC | xã Nam Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 06" | 105° 27' 02" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Sơn Thành | DC | xã Nam Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 28" | 105° 25' 55" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh Sông Đào | TV | xã Nam Thành | H. Yên Thành | | | 18° 55' 25" | 105° 22' 23" | 18° 58' 04" | 105° 25' 59" | E-48-31-B-b |
| xóm Tân Hợp | DC | xã Nam Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 43" | 105° 26' 29" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Trần Phú | DC | xã Nam Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 29" | 105° 25' 48" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Vĩnh Thành | DC | xã Nam Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 18" | 105° 26' 58" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Bắc An | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 28" | 105° 30' 56" | | | | | E-48-31-B-b |
| sông Cầu Bà | TV | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | | | 19° 01' 08" | 105° 30' 16" | 18° 58' 29" | 105° 31' 24" | E-48-20-C-c, E-48-32-A-a |
| xóm Đông Hà | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 24" | 105° 29' 53" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đông Yên 2 | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 18" | 105° 31' 25" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Đông Yên 1 | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 15" | 105° 31' 41" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Hồng Lĩnh | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 42" | 105° 30' 02" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Nhân Cao | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 21" | 105° 30' 40" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Phú Điền | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 29" | 105° 30' 27" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Thọ Vinh | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 27" | 105° 30' 18" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Trung Hậu | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 33" | 105° 30' 11" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Trung Thuận | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 11" | 105° 31' 11" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Trung Xuân | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 16" | 105° 30' 53" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Văn Bắc | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 20" | 105° 29' 40" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Văn Nam | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 05" | 105° 29' 39" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Văn Tây | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 22" | 105° 29' 18" | | | | | E-48-32-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Vĩnh Tiến | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 26" | 105° 30' 46" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Xuân Miêu | DC | xã Nhân Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 59" | 105° 30' 28" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Bắc Lai | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 03" | 105° 30' 41" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Bắc Tiên | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 52" | 105° 30' 36" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Cồn Vòng | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 43" | 105° 31' 03" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đông Hồng | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 27" | 105° 31' 27" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đông Lai | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 48" | 105° 30' 19" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đông Tiên | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 23" | 105° 29' 50" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Nam Hồng | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 35" | 105° 31' 30" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Nam Lai | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 32" | 105° 31' 55" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Nam Tiên | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 36" | 105° 30' 45" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Lai | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 06" | 105° 30' 14" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tây Lai | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 38" | 105° 31' 27" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Thanh Sơn | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 20" | 105° 30' 24" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Thanh Tân | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 49" | 105° 30' 06" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Thanh Tân | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 55" | 105° 30' 53" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Thanh Thủy | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 20" | 105° 30' 16" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Trung Lai | DC | xã Phú Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 12" | 105° 30' 21" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Bình Nguyên | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 51" | 105° 26' 40" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đông Nam | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 24" | 105° 28' 28" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đông Tây Hồ | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 43" | 105° 27' 30" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đông Thịnh | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 32" | 105° 28' 47" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đông Yên | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 32" | 105° 28' 01" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Kỳ Sơn | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 14" | 105° 26' 28" | | | | | E-48-19-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Liên Sơn | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 21" | 105° 27' 53" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Nam Chính | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 35" | 105° 27' 56" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Nam Sơn | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 57" | 105° 27' 40" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Nam Thịnh | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 35" | 105° 28' 40" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Phúc Giang | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 16" | 105° 26' 16" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Phương Tô | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 57" | 105° 27' 05" | | | | | E-48-19-D-d |
| đập Quản Hài | TV | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 37" | 105° 26' 17" | | | | | E-48-19-D-d |
| hồ Quản Hài | TV | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 33" | 105° 25' 55" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Tây Nam | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 37" | 105° 27' 52" | | | | | E-48-19-D-d |
| núi Thung Chè | SV | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 27" | 105° 26' 37" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Trung Nam A | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 26" | 105° 28' 14" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Trung Nam B | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 25" | 105° 28' 20" | | | | | E-48-19-D-d |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-19-D-d |
| Suối Vàu | TV | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | | | 19° 01' 34" | 105° 24' 20" | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | E-48-19-D-d |
| đập Vệ Vung | TV | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 05" | 105° 25' 50" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Xuân Sơn | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 48" | 105° 28' 13" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Xuân Viên | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 43" | 105° 28' 26" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Yên Bang | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 03" | 105° 28' 11" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Yên Sơn | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 45" | 105° 27' 02" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Yên Trung | DC | xã Phúc Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 17" | 105° 26' 45" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Bắc Sơn | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 21" | 105° 21' 54" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Đông Thành | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 57" | 105° 22' 02" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Hồng Nam | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 00" | 105° 21' 34" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Quang Long | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 15" | 105° 21' 13" | | | | | E-48-19-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Quang Nhân | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 35" | 105° 22' 35" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Sơn Thành | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 31" | 105° 22' 04" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Tân Sơn | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 13" | 105° 22' 35" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Thị Tứ | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 34" | 105° 20' 46" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Tiên Long | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 51" | 105° 20' 55" | | | | | E-48-19-D-c |
| Núi Trọc | SV | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 18" | 105° 21' 00" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Trung Bắc | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 04" | 105° 21' 24" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Trung Nam | DC | xã Quang Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 54" | 105° 21' 42" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm 1 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 04" | 105° 28' 48" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 2 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 32" | 105° 28' 36" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 3 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 16" | 105° 29' 25" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 4 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 58" | 105° 28' 46" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 5 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 10" | 105° 28' 37" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 6 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 05" | 105° 29' 15" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 09" | 105° 29' 38" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 8 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 25" | 105° 29' 56" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 9 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 38" | 105° 30' 02" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 10 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 29" | 105° 29' 05" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 11 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 35" | 105° 29' 03" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 12 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 34" | 105° 28' 51" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 13 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 54' 56" | 105° 30' 04" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm 14 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 27" | 105° 29' 03" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 15 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 17" | 105° 29' 03" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 16 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 10" | 105° 28' 48" | | | | | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 17 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 11" | 105° 28' 40" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 18 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 08" | 105° 28' 36" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 19 | DC | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 13" | 105° 28' 32" | | | | | E-48-31-B-b |
| đường tỉnh 534 | KX | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | | | 18° 47' 55" | 105° 43' 41" | 18° 59' 59" | 105° 28' 38" | E-48-31-B-b |
| Suối Cát | TV | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | | | 18° 54' 53" | 105° 30' 26" | 18° 55' 17" | 105° 29' 09" | E-48-31-B-b, E-48-32-A-a |
| núi Động Hố | SV | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 45" | 105° 28' 23" | | | | | E-48-31-B-b |
| núi Động Rẩy | SV | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | 18° 53' 45" | 105° 29' 48" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh N201 | TV | xã Sơn Thành | H. Yên Thành | | | 18° 56' 26" | 105° 25' 04" | 18° 57' 40" | 105° 36' 17" | E-48-20-C-a |
| núi Hòn Gai | SV | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 19" | 105° 38' 30" | | | | | E-48-20-C-d |
| núi Hòn Sường | SV | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 39" | 105° 29' 33" | | | | | E-48-19-D-b |
| đập Mả Tổ | TV | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 59" | 105° 30' 45" | | | | | E-48-20-C-c |
| đập Nhà Trò | TV | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 08' 00" | 105° 30' 08" | | | | | E-48-20-C-c |
| Sông Sanh | TV | xã Tân Thành | H. Yên Thành | | | 19° 07' 19" | 105° 30' 57" | 19° 03' 54" | 105° 31' 29" | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Bình | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 22" | 105° 30' 37" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Đông | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 10" | 105° 32' 15" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Đức | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 05" | 105° 31' 44" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Hoa | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 00" | 105° 30' 30" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Hợp | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 15" | 105° 30' 36" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Lộc | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 33" | 105° 31' 59" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Nhân | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 10" | 105° 31' 24" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Sơn | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 39" | 105° 29' 58" | | | | | E-48-19-D-b |
| xóm Tân Thắng | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 45" | 105° 31' 20" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Triều | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 50" | 105° 30' 04" | | | | | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Tân Triều | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 43" | 105° 30' 11" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Trung | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 58" | 105° 30' 58" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tân Vĩnh | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 04" | 105° 31' 14" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Thị Tứ | DC | xã Tân Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 34" | 105° 31' 08" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm 1 | DC | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 18" | 105° 26' 12" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 2 | DC | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 51" | 105° 26' 27" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 3A | DC | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 22" | 105° 26' 42" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 3B | DC | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 12" | 105° 26' 43" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 4 | DC | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 36" | 105° 28' 02" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 5 | DC | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 28" | 105° 27' 51" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 6 | DC | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 39" | 105° 28' 34" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 7 | DC | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 18" | 105° 28' 47" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm 8 | DC | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 43" | 105° 27' 31 | | | | | E-48-19-D-d |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-19-D-d, E-48-31-B-b |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-19-D-d |
| Suối Vàu | TV | xã Tăng Thành | H. Yên Thành | | | 19° 01' 34" | 105° 24' 20" | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | E-48-19-D-d |
| xóm Ân Quang | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 20" | 105° 20' 28" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Ân Tiên | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 36" | 105° 19' 58" | | | | | E-48-19-D-c |
| dãy Ba Khe | SV | xã Tây Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 16" | 105° 20' 47" | 19° 02' 01" | 105° 22' 37" | E-48-19-D-c, E-48-19-D-d |
| núi Chấn Thủy | SV | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 27" | 105° 21' 44" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Châu Thành 1 | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 46" | 105° 20' 32" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Châu Thành 2 | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 01" | 105° 20' 40" | | | | | E-48-19-D-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Đồn Kén | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 45" | 105° 19' 26" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Hậu Thành 1 | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 31" | 105° 21' 10" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Hậu Thành 2 | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 16" | 105° 21' 08" | | | | | E-48-19-D-c |
| núi Hồ Du | SV | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 35" | 105° 20' 03" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Khánh Thành | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 38" | 105° 19' 28" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Lê Lai | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 32" | 105° 19' 22" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Rạng Đông 1 | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 18" | 105° 19' 02" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Rạng Đông 2 | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 47" | 105° 18' 38" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Tân Thành | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 24" | 105° 20' 35" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Thành Sơn | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 00" | 105° 20' 21" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Tiên Quang | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 30" | 105° 19' 53" | | | | | E-48-19-D-c |
| Núi Trạch | SV | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 11" | 105° 20' 07" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Trung Phong | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 55" | 105° 20' 32" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Trung Tâm | DC | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 02' 25" | 105° 20' 13" | | | | | E-48-19-D-c |
| hồ Vẹ Riềng | TV | xã Tây Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 14" | 105° 20' 40" | | | | | E-48-19-D-c, E-48-31-B-a |
| Đập Am | TV | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 20" | 105° 21' 02" | | | | | E-48-31-B-a |
| đập Bàu Cửa | TV | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 50" | 105° 20' 42" | | | | | E-48-31-B-a |
| núi Chấn Thủy | SV | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 27" | 105° 21' 44" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Công Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 02" | 105° 18' 44" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Diễn Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 06" | 105° 19' 04" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Đô Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 42" | 105° 19' 17" | | | | | E-48-19-D-c |
| núi Đông Quan | SV | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 25" | 105° 18' 48" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Đông Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 24" | 105° 20' 15" | | | | | E-48-31-B-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| núi Hồ Du | SV | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 35" | 105° 20' 03" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Hồng Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 59" | 105° 19' 31" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Hưng Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 45" | 105° 19' 45" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Khánh Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 03" | 105° 20' 55" | | | | | E-48-31-B-a |
| suối Khe Ngang | TV | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | | | 18° 58' 48" | 105° 20' 28" | 18° 59' 17" | 105° 19' 43" | E-48-31-B-a |
| núi Kon Cai | SV | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 57" | 105° 21' 25" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Mỹ Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 32" | 105° 19' 40" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Nam Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 57" | 105° 19' 56" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Tam Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 58" | 105° 20' 12" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Tân Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 05" | 105° 18' 24" | | | | | E-48-19-D-c |
| Núi Trạch | SV | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 11" | 105° 20' 07" | | | | | E-48-19-D-c |
| núi Tràng Sinh | SV | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 20" | 105° 19' 16" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Tràng Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 06" | 105° 19' 25" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Trung Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 02" | 105° 19' 41" | | | | | E-48-19-D-c |
| xóm Trường Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 28" | 105° 19' 02" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Văn Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 26" | 105° 18' 20" | | | | | E-48-31-B-a |
| hồ Vẹ Riềng | TV | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 14" | 105° 20' 40" | | | | | E-48-19-D-c, E-48-31-B-a |
| xóm Vĩnh Thịnh | DC | xã Thịnh Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 41" | 105° 19' 12" | | | | | E-48-31-B-a |
| xóm Bắc Nhân Trạch | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 05" | 105° 33' 00" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Bái Trạch | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 53" | 105° 32' 44" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đại Hữu | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 06" | 105° 32' 11" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Dinh Khoa | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 10" | 105° 32' 00" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Đồn Dừa | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 12" | 105° 32' 20" | | | | | E-48-20-C-c |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Đông Trung | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 43" | 105° 31' 54" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Lạc Thổ | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 37" | 105° 31' 27" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Nam Nhân Trạch | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 01" | 105° 33' 01" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tam Đa | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 37" | 105° 32' 04" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tam Hợp | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 16" | 105° 32' 21" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Tây Trung | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 53" | 105° 31' 47" | | | | | E-48-20-C-c |
| xóm Trung Tâm | DC | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | 19° 03' 30" | 105° 32' 20" | | | | | E-48-20-C-c |
| kênh Vách Bắc | TV | xã Thọ Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | 19° 10' 54" | 105° 41' 33" | E-48-20-C-c |
| xóm Bắc Tiến | DC | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 00" | 105° 28' 55" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Cầu Máng | DC | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 24" | 105° 29' 25" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Cựa Thờ | DC | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 42" | 105° 29' 23" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Tròn | DC | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 04' 49" | 105° 29' 20" | | | | | E-48-19-D-d |
| núi Hóc Giác | SV | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 25" | 105° 29' 03" | | | | | E-48-19-D-d |
| núi Hòn Sường | SV | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 07' 39" | 105° 29' 33" | | | | | E-48-19-D-b |
| ke Kên Kên | TV | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | | | 19° 07' 10" | 105° 26' 57" | 19° 08' 53" | 105° 23' 17" | E-48-19-D-b |
| xóm Nhân Tiến | DC | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 07" | 105° 28' 14" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Rộc Lúa | DC | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 23" | 105° 30' 01" | | | | | E-48-20-C-c |
| Đập Sặt | TV | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 17" | 105° 28' 23" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Tân Yên A | DC | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 36" | 105° 28' 14" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Tân Yên B | DC | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 00" | 105° 28' 02" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Tây Tiến | DC | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 06' 51" | 105° 28' 00" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Yên Viên | DC | xã Tiến Thành | H. Yên Thành | 19° 05' 44" | 105° 29' 47" | | | | | E-48-19-D-d |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Trung Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Chợ Bùi | DC | xã Trung Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 47" | 105° 25' 14" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đội Cung | DC | xã Trung Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 49" | 105° 26' 38" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Đồng Lèn | DC | xã Trung Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 27" | 105° 24' 13" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Hoa Thám | DC | xã Trung Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 54" | 105° 27' 27" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Hoàng Diệu | DC | xã Trung Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 59" | 105° 26' 36" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Trại Dâu | DC | xã Trung Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 16" | 105° 25' 33" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Vệ Giá | DC | xã Trung Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 31" | 105° 24' 53" | | | | | E-48-31-B-b |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Văn Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-19-D-d |
| xóm Công Trung | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 44" | 105° 29' 48" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Lạch Vằng | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 14" | 105° 26' 57" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Long Chu | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 31" | 105° 29' 27" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Minh Châu | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 43" | 105° 28' 33" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Nam Sơn | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 15" | 105° 28' 24" | | | | | E-48-19-D-d |
| kênh Nông Giang | TV | xã Văn Thành | H. Yên Thành | | | 18° 58' 04" | 105° 25' 59" | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | E-48-19-D-d |
| xóm Thạch Sơn | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 32" | 105° 27' 22" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Thượng Sơn | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 26" | 105° 27' 06" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Văn Mỹ | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 41" | 105° 27' 51" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Văn Yên | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 37" | 105° 29' 22" | | | | | E-48-19-D-d |
| Suối Vàu | TV | xã Văn Thành | H. Yên Thành | | | 19° 01' 34" | 105° 24' 20" | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | E-48-19-D-d |
| xóm Xuân Châu | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 09" | 105° 28' 02" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Yên Hòa | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 01' 04" | 105° 28' 52" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Yên Phú | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 33" | 105° 29' 50" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Yên Thịnh | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 42" | 105° 29' 39" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Yên Vằng | DC | xã Văn Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 56" | 105° 26' 48" | | | | | E-48-19-D-d |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm 1 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 41" | 105° 28' 42" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 2 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 45" | 105° 28' 58" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 3 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 46" | 105° 29' 05" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 4 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 08" | 105° 29' 26" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 5 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 57" | 105° 29' 20" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 6 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 42" | 105° 29' 12" | | | | | E-48-31-B-b |
| quốc lộ 7 | KX | xã Viên Thành | H. Yên Thành | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-31-B-b, E-48-32-A-a |
| xóm 7 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 43" | 105° 29' 13" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 8 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 52" | 105° 28' 58" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 9 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 47" | 105° 29' 40" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 10 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 40" | 105° 29' 58" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm 11 | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 21" | 105° 30' 07" | | | | | E-48-32-A-a |
| Suối Cát | TV | xã Viên Thành | H. Yên Thành | | | 18° 54' 53" | 105° 30' 26" | 18° 55' 17" | 105° 29' 09" | E-48-31-B-b, E-48-32-A-a |
| xóm Đình Hát | DC | xã Viên Thành | H. Yên Thành | 18° 55' 39" | 105° 28' 47" | | | | | E-48-32-A-a |
| kênh Khe Cát | TV | xã Viên Thành | H. Yên Thành | | | 18° 55' 34" | 105° 27' 40" | 18° 57' 17" | 105° 28' 55" | E-48-31-B-b |
| kênh N2 | TV | xã Viên Thành | H. Yên Thành | | | 19° 11' 42" | 105° 38' 12" | 18° 56' 25" | 105° 25' 03" | E-48-20-C-a, E-48-20-C-b |
| quốc lộ 7 | KX | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | | | 19° 28' 15" | 104° 05' 04" | 18° 58' 42" | 105° 35' 55" | E-48-32-A-a |
| xóm Bắc Tháp | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 48" | 105° 30' 04" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Cao Sơn | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 13" | 105° 30' 05" | | | | | E-48-32-A-a |
| Suối Cát | TV | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | | | 18° 54' 53" | 105° 30' 26" | 18° 55' 17" | 105° 29' 09" | E-48-31-B-b, E-48-32-A-a |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| sông Cầu Bùng | TV | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 18" | 105° 35' 24" | 19° 01' 43" | 105° 36' 04" | E-48-20-C-c |
| xóm Đông Thành | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 31" | 105° 30' 01" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Đông Tháp | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 41" | 105° 30' 20" | | | | | E-48-32-A-a |
| kênh N2 | TV | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | | | 19° 11' 42" | 105° 38' 12" | 18° 56' 25" | 105° 25' 03" | E-48-20-C-a<br>E-48-20-C-b |
| xóm Nam Tháp | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 30" | 105° 30' 20" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Ngọc Thành | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 30" | 105° 31' 08" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Phì Bắc | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 40" | 105° 30' 42" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Phì Nam | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 19" | 105° 30' 38" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Phú Văn | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 25" | 105° 29' 24" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Tân Vĩnh | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 56' 15" | 105° 30' 12" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Tiên Trung | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 00" | 105° 30' 17" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Trung Thành | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 39" | 105° 29' 52" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Tương Lai | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 25" | 105° 30' 21" | | | | | E-48-32-A-a |
| xóm Văn Điển | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 36" | 105° 30' 42" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Vĩnh Phúc | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 04" | 105° 29' 56" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Vĩnh Tiến | DC | xã Vĩnh Thành | H. Yên Thành | 18° 57' 07" | 105° 29' 46" | | | | | E-48-31-B-b |
| đường tỉnh 538 | KX | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | | | 19° 00' 42" | 105° 35' 09" | 18° 55' 25" | 105° 26' 30" | E-48-19-D-d |
| xóm Bắc Phượng Sơn | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 55" | 105° 26' 47" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Bùi Sơn Ngoài | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 28" | 105° 25' 37" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Bùi Sơn Trong | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 13" | 105° 25' 00" | | | | | E-48-19-D-d |
| Đập Đầm | TV | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 19° 00' 38" | 105° 25' 07" | | | | | E-48-19-D-d |
| xóm Đồng Xuân | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 21" | 105° 28' 06" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Liên Xuân | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 20" | 105° 27' 48" | | | | | E-48-31-B-b |

| Địa danh | Nhóm đối tượng | Tên ĐVHC cấp xã | Tên ĐVHC cấp huyện | Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng | | | | | | Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tọa độ trung tâm | | Tọa độ điểm đầu | | Tọa độ điểm cuối | | |
| | | | | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ | |
| | | | | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | (Độ, phút, giây) | |
| xóm Minh Xuân | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 18° 58' 29" | 105° 28' 34" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Mỹ Xuân | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 12" | 105° 28' 05" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Nam Phượng Sơn | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 20" | 105° 26' 49" | | | | | E-48-31-B-b |
| kênh Nông Giang | TV | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | | | 18° 58' 04" | 105° 25' 59" | 19° 00' 31" | 105° 28' 46" | E-48-31-B-b, E-48-19-D-d |
| xóm Tân Xuân | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 39" | 105° 27' 25" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Thọ Xuân | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 06" | 105° 27' 51" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Thượng Xuân | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 15" | 105° 27' 48" | | | | | E-48-31-B-b |
| xóm Yên Xuân | DC | xã Xuân Thành | H. Yên Thành | 18° 59' 02" | 105° 27' 57" | | | | | E-48-31-B-b |

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Linh Ngọc**

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng